

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018)

PVIRE

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .SAS.../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày .30. tháng .09. năm 2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại

1. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Địa chỉ : Tầng 25, tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại : 024 3734 2828 **Fax:** 024 3734 2626

Website : <http://www.pvire.com.vn/>

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính : Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3773 7070 **Fax:** (024) 3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên : Phan Trịnh Quốc Kiên

Chức vụ : Giám đốc Khối Hoạt động

Điện thoại : 091.111.1184

PVIRE

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	:	CỔ PHIẾU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết	:	72.800.000 cổ phiếu (Bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết	:	728.000.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng)

Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ	:	Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Số điện thoại	:	(024) 7105 0000
Fax:	:	(024) 6288 5678

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính	:	Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
Số điện thoại	:	(024) 3773 7070
Fax	:	(024) 3773 9058

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp.....	4
3. Rủi ro đặc thù.....	5
4. Rủi ro khác.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ chức niêm yết	8
2. Tổ chức tư vấn	8
III. CÁC KHÁI NIỆM	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	10
2. Cơ cấu tổ chức	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	22
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết chi	23
6. Hoạt động kinh doanh.....	23
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	48
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	53
9. Chính sách đối với người lao động	55
10. Chính sách cổ tức.....	56
11. Tình hình hoạt động tài chính	57
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng	65
13. Tài sản.....	80
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	81
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	84
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	85
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có).....	85
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	86
1. Loại chứng khoán:	86
2. Mệnh giá:	86

3.	Mã chứng khoán:	86
4.	Tổng số chứng khoán niêm yết:.....	86
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	86
6.	Phương pháp tính giá cổ phiếu niêm yết.....	87
6.1.	Giá trị sổ sách cổ phiếu.....	87
6.2.	Phương pháp tính giá	87
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	88
8.	Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết).....	89
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	90
1.	Tổ chức tư vấn	90
2.	Tổ chức kiểm toán	90
VII.	PHỤ LỤC.....	90
1.	Phụ lục I	90
2.	Phụ lục II	90
3.	Phụ lục III	90
4.	Phụ lục IV	90
VIII.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	91

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....	12
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty (tại ngày 08/05/2020)	22
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 08/05/2020	22
Bảng 4. Tình hình nhận tái bảo hiểm của PVIRE	26
Bảng 5. Cơ cấu phí nhận tái bảo hiểm của Công ty	27
Bảng 6. Cơ cấu chi bồi thường của Công ty.....	29
Bảng 7. Tình hình nhượng tái bảo hiểm của PVIRE.....	29
Bảng 8. Cơ cấu phí nhượng tái bảo hiểm của Công ty	30
Bảng 9. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty	31
Bảng 10. Các khoản tiền gửi của Công ty tại thời điểm 30/06/2020.....	32
Bảng 11. Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính của Công ty	33
Bảng 12. Cơ cấu doanh thu của Công ty	35
Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty	36
Bảng 14. Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tại một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2019	38
Bảng 15. Cơ cấu chi phí của Công ty	40
Bảng 16. Tài sản và công nợ bằng ngoại tệ của Công ty.....	44
Bảng 17. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	47
Bảng 18. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty	47
Bảng 19. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018, 2019 và 6 tháng đầu năm 2020.....	48
Bảng 20. Kết quả thực hiện năm 2019 so với kế hoạch	50
Bảng 21. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019	50
Bảng 22. So sánh PVIRE với doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam năm 2019	53
Bảng 23. Cơ cấu lao động của Công ty	55
Bảng 24. Tỷ lệ chi trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty.....	57
Bảng 25. Tình hình tài sản tái bảo hiểm của công ty.....	57
Bảng 26. Các khoản thuế phải nộp Nhà nước	59
Bảng 27. Số dư các quỹ của Công ty.....	60
Bảng 28. Các khoản phải thu của Công ty	60
Bảng 29. Các khoản phải thu khách hàng của PVIRE	61
Bảng 30. Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	61

Bảng 31. Các khoản phải trả của Công ty	62
Bảng 32. Các khoản dự phòng của Công ty	63
Bảng 33. Chi phí trả trước của Công ty	64
Bảng 34. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	64
Bảng 35. Tình hình tài sản của Công ty	80
Bảng 36. Tình hình tài sản của công ty tại ngày 30/06/2020	81
Bảng 37. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo.....	81
Bảng 38. Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với kế hoạch.....	84
Bảng 39. Danh sách hạn chế chuyển nhượng	86
Bảng 40. Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty	87

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

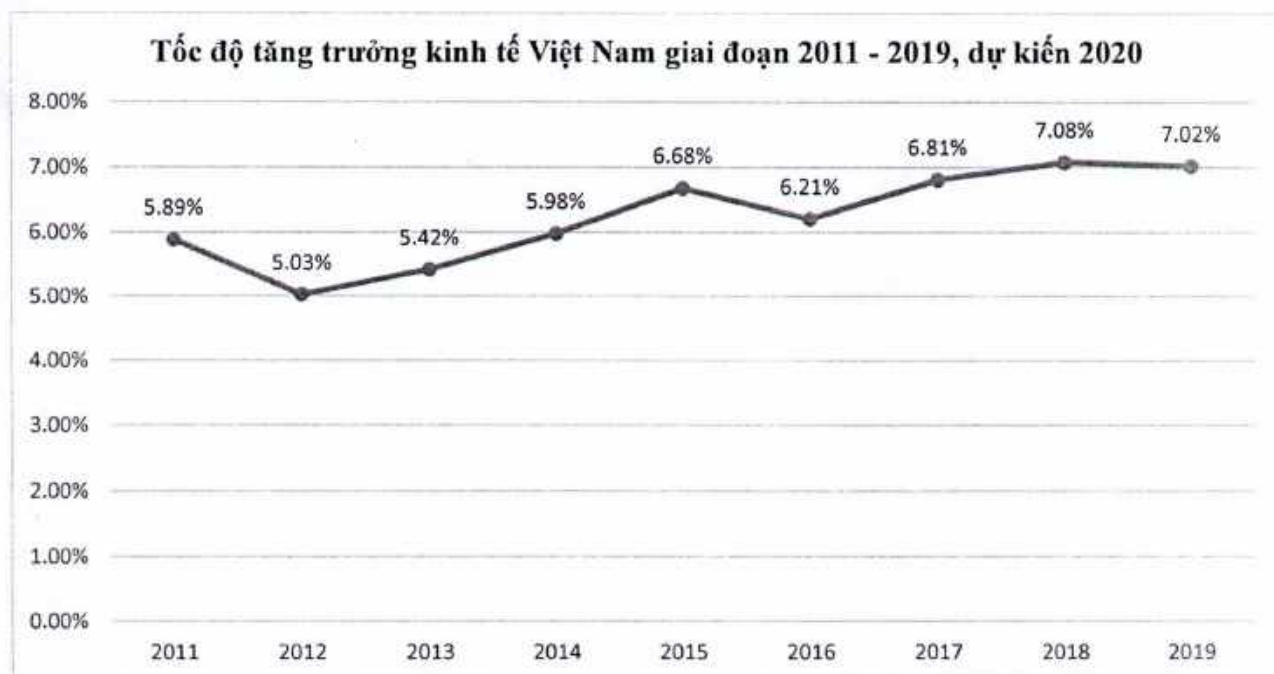
1. Rủi ro về kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là một điều không thể tránh khỏi. Bất cứ thị trường nào, dù phát triển hay không phát triển, mới nổi hay cận biên,... cũng đều chịu sự chi phối của nhân tố này. Về mặt tổng quát, loại hình rủi ro này chịu sự chi phối đến từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: Tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,...Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó mang lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Công ty cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

Đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra rất phức tạp trong nước và trên toàn thế giới, gây ảnh hưởng nặng nề đến nhiều lĩnh vực kinh doanh, rủi ro về kinh tế tăng cao. Dự báo về tình hình khó khăn sẽ không chỉ diễn ra trong năm 2020 mà còn kéo dài và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của những năm sau.

1.1. Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Về tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2019, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011.



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2020

Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm 2019 là tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82% và hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%). Trong đó, hoạt động kinh doanh bảo hiểm quý IV/2019 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2019, doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường tăng 20,3% so với năm 2018, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 25,1%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 11,6% (Nguồn: Tổng cục Thống kê).

Năm 2020, Quốc hội đặt kế hoạch tăng trưởng kinh tế là 6,8%, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng có thể thấp hơn so với kế hoạch đặt ra. Chính phủ Việt Nam đã và đang đề ra nhiều chính sách để đảm bảo mức tăng trưởng GDP ổn định. Theo các chuyên gia đến từ Viện Nghiên cứu kinh tế và chính sách (VEPR), trong quý II/2020, dịch COVID-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam là một trong số ít các quốc gia có tăng trưởng kinh tế dương trên thế giới, đạt 0,36%. Cân nhắc những yếu tố tích cực cũng như tiêu cực đang tác động đối với kinh tế Việt Nam hiện nay, VEPR đưa ra các dự báo về tăng trưởng và lạm phát theo các kịch bản khác nhau về tình hình phòng chống bệnh dịch. Theo đó, khả năng cao nền kinh tế sẽ đạt mức tăng trưởng 3,8% cho cả năm 2020. Ở một khả năng thấp hơn, nền kinh tế có thể chỉ tăng trưởng 2,2% do những diễn biến bất lợi của bệnh Covid-19.

Theo Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, dự kiến thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan trong năm 2020 với một số kết quả cụ thể như: Tổng tài sản ước đạt 514.795 tỷ đồng (tăng 13,30% so với cùng kỳ năm 2019); Đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 433.063 tỷ đồng (tăng 15,01%); Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đạt 334.939 tỷ đồng (tăng 17,13%); Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 188.730 tỷ đồng (tăng 18,42% so với cùng kỳ năm 2019)... Theo số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, kết thúc 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 26.991 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 7%; bồi thường đạt 9.028 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ bồi thường khoảng 33% (chưa bao gồm dự phòng bồi thường).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động lớn đến sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Do diễn biến phức tạp và bùng phát trở lại của dịch bệnh gây ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều lĩnh vực của kinh tế - xã hội, đòi hỏi các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung và các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng phải tiếp tục đẩy mạnh khai thác các chương trình bảo hiểm mới, bên cạnh việc duy trì và phát triển các gói bảo hiểm sẵn có, để đảm bảo mức tăng trưởng chung toàn ngành đạt trên 20% theo kế hoạch đặt ra. Trong năm 2020, PVIRE có kế hoạch đẩy mạnh nhận tái bảo hiểm các dịch vụ bán lẻ, thắt chặt các nghiệp vụ khai thác không hiệu quả, đồng thời tiếp cận với nguồn nhượng tái bảo hiểm từ nước ngoài.

1.2. Rủi ro về lãi suất:

Lãi suất là một yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của một công ty tái bảo hiểm. Các biến động trong lãi suất đồng thời có thể gây ra biến động lớn trong giá trị tài sản và giá trị nợ phải trả của công ty. Về phía tài sản, biến động lãi suất do tác động của chính sách kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng lớn đến thu nhập từ nguồn tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư của công ty đồng thời tác động lên biến động giá trên thị trường chứng khoán, do đó, ảnh hưởng đến lợi nhuận từ các khoản đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác. Tính đến thời điểm 30/06/2020, với các khoản đầu tư tài chính của PVIRE có giá trị lên đến hơn 1.356 tỷ đồng, bao gồm chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và đầu tư vào các đơn vị khác. Công ty phải đối mặt với rủi ro giảm hiệu quả đầu tư tài chính nếu xu hướng lãi suất tiền gửi biến động giảm mạnh trong tương lai.

Về phía nợ phải trả, trong khi việc giảm lãi suất có thể giảm bớt nghĩa vụ nợ trong tương lai của công ty đối với các chủ hợp đồng, lãi suất thấp hơn cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của công ty. Cụ thể, lãi suất trên thị trường giảm có thể làm cho các sản phẩm tái bảo hiểm trở nên kém hấp dẫn hơn, dẫn đến doanh thu và thu nhập dưới dạng phí nhận tái bảo hiểm thấp hơn. Tác động ròng đến lợi nhuận của công ty được xác định bởi tác động ròng giữa mức giảm giá trị nợ phải trả và sự giảm giá trị tài sản gắn với biến động lãi suất tương ứng. Để đảm bảo tránh các thiệt hại và rủi ro từ việc giảm lãi suất, PVIRE có kế hoạch thường xuyên theo dõi tình hình thị trường, đưa ra các dự báo, để đánh giá kịp thời các rủi ro có thể xảy ra.

1.3. Rủi ro về tín dụng:

Công ty đối mặt với rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động kinh doanh đầu tư tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ tài chính khác). Trong đó, rủi ro tín dụng từ hoạt động tái bảo hiểm là rủi ro khách hàng không thanh toán phí đúng theo cam kết và tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng tái bảo hiểm phát sinh (trong trường hợp PVIRE là bên nhận tái bảo hiểm) cũng như rủi ro đến từ việc đối tác tái bảo hiểm không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản bồi thường tái bảo hiểm cho công ty kịp thời (trong trường hợp PVIRE là bên nhượng tái bảo hiểm). Bên cạnh đó, rủi ro tín dụng cũng là một cấu phần của hoạt động đầu tư tài chính khi tiềm ẩn nguy cơ ngân hàng mất khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đúng cam kết, không đúng hạn và/hoặc rủi ro đến từ việc giá trị các khoản đầu tư của công ty suy giảm do kết quả kinh doanh của đối tác biến động tiêu cực.

Một nguồn rủi ro tín dụng khác là khi công ty bị hạ xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế do hoạt động kinh doanh kém. Tuy nhiên, cho đến nay PVIRE đã luôn nỗ lực để nâng cao định hạng quốc tế đánh giá bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới AM Best. Đến ngày 8/8/2019, AM Best đã nâng hạng tín nhiệm năng lực tài chính của PVIRE từ B+ lên B++ và nâng

lực tín dụng của tổ chức phát hành từ "bbb-" lên "bbb", triển vọng của cả hai chỉ tiêu này giữ ở mức ổn định.

1.4. Rủi ro về ngoại hối:

Rủi ro về ngoại hối là rủi ro gây ra bởi những biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường lên những tài khoản có trạng thái ngoại tệ của công ty. Đối với các rủi ro PVIRE cần tái bảo hiểm, chênh lệch tỷ giá có thể gây ra bất lợi cho PVIRE trong trường hợp có sự chênh lệch về điều kiện, điều khoản thanh toán, mà cụ thể là điều kiện về đồng tiền thanh toán, giữa hợp đồng nhận tái bảo hiểm và hợp đồng nhượng tái bảo hiểm. Tỷ giá biến động mạnh cũng sẽ ảnh hưởng đến việc đánh giá lại và ghi nhận lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá các đồng Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro. PVIRE đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro trong đó có quản lý rủi ro tỷ giá để kiểm soát có hiệu quả, thông qua việc phân tích độ nhạy với ngoại tệ của các khoản tiền tệ bằng ngoại tệ (biên tăng/giảm 2%).

1.5. Rủi ro về thanh toán:

Rủi ro thanh toán đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm là rủi ro công ty đó không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh toán có thể suy giảm trong các trường hợp danh mục đầu tư của công ty gặp khó khăn, do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp hoặc giá trị thanh khoản không đạt kỳ vọng. Đối với PVIRE, để đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt và để đảm bảo khả năng thanh toán cho những khoản bồi thường có thể phát sinh, công ty luôn duy trì một tỷ trọng lớn tiền gửi trong tổng danh mục đầu tư.

2. Rủi ro về luật pháp

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Rủi ro pháp lý hình thành do sự hiện diện của các rủi ro vi phạm các quy định pháp luật phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. PVIRE đối mặt với rủi ro pháp lý khi không tuân thủ, không đáp ứng được hoặc không kịp thời cập nhật các quy định sửa đổi, bổ sung của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm và các quy định của luật pháp liên quan. Rủi ro pháp lý cũng tiềm ẩn khi PVIRE phát sinh tranh chấp với khách hàng nhận/nhượng tái bảo hiểm của công ty. Để kiểm soát các rủi ro này, PVIRE đã và đang thường xuyên cập nhật và sửa đổi kịp thời các quy định, chính sách, quy trình phù hợp với các quy định pháp luật, đồng thời chú trọng đào tạo pháp lý và tuân thủ cho toàn thể cán bộ, nhân viên PVIRE.

Ngoài ra, Công ty còn chịu ảnh hưởng và chi phối bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định về thuế, các quy định của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng nhiều quy định khác. Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào cũng tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của PVIRe.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, PVIRe sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro về nền kinh tế, rủi ro về môi trường pháp lý, cũng như những doanh nghiệp bảo hiểm khác, Công ty phải đối mặt với các rủi ro về thị trường, rủi ro trong hoạt động và rủi ro về quản lý và nhân sự.

3.1. Rủi ro thị trường

Theo báo cáo của AM Best, Việt Nam có thị trường phi nhân thọ tăng trưởng vào hàng cao nhất ở Đông Nam Á, trung bình đạt 17% trong vòng 10 năm qua (2009 – 2019). Sự tăng trưởng của thị trường bảo hiểm chủ yếu là nhờ vào tăng trưởng kinh tế mạnh, tầng lớp trung lưu ngày càng giàu có hơn, và những thay đổi tích cực của khung khổ pháp lý. Khả năng tài chính của nhiều doanh nghiệp được đảm bảo bởi các danh mục đầu tư có tính thanh khoản cao và thận trọng, 80% tổng tài sản nằm dưới dạng tiền gửi, tiền mặt và trái phiếu chính phủ. Quan điểm thận trọng về đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm góp phần giảm hệ số đòn bẩy khai thác ở mức trung bình nhưng đang có xu hướng gia tăng, tỷ lệ trung bình của năm 2019 là 200%. Mặt khác, các công ty bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam có thỏa thuận tái bảo hiểm với nhiều đối tác quốc tế có xếp hạng cao, điều này làm giảm áp lực vốn do việc gia tăng doanh số quá nhanh, đồng thời cho họ nguồn thu từ hoa hồng nhượng tái. AM Best dự báo thị trường phi nhân thọ Việt Nam sẽ duy trì vốn ổn định trong tình hình kinh tế hiện nay, song về trung và dài hạn, các doanh nghiệp bảo hiểm có thể cần tăng vốn cho nhu cầu tăng trưởng trong tương lai. Nhiều tập đoàn bảo hiểm quốc tế lớn sở hữu cổ phần chiến lược trong các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam có mong muốn gia tăng tỷ lệ sở hữu thông qua việc góp thêm vốn hoặc mua lại cổ phần hiện hữu.

Khi Việt Nam gia nhập AFTA, APEC, WTO và hiệp định thương mại Việt - Mỹ, thì sự gia nhập của các công ty bảo hiểm nước ngoài sẽ làm thay đổi tính chất cạnh tranh của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Điều đó tạo ra cơ hội cũng như thách thức đối với tất cả các công ty kinh doanh bảo hiểm trong nước. Các công ty trong nước có động lực để phát triển khi hòa mình vào môi trường công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, tuy nhiên, họ phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có

bề dày kinh nghiệm, công nghệ và tiềm lực tài chính vượt trội. Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm trong nước phát triển khiến cho ngày một nhiều các công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm với các gói bảo hiểm, chính sách bảo hiểm đa dạng ra đời. Bản thân các công ty trong nước cũng phải không ngừng cạnh tranh lẫn nhau để giữ vững và mở rộng thị trường. PVIRE hiện tại cũng đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ để trình Bộ Tài chính phê duyệt. Việc tăng vốn điều lệ là điều cần thiết để gia tăng sức mạnh tài chính và đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định cho công ty trong tương lai.

3.2. Rủi ro trong hoạt động

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm và mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng. Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm, việc đánh giá rủi ro được chấp thuận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời của thông tin được giám định, cung cấp từ khách hàng và đối tác nhượng tái bảo hiểm. Đây là rủi ro lớn nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.3. Rủi ro về quản lý và nhân sự

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, cạnh tranh lớn nên quản lý và nhân sự cũng là một trong những yếu tố tác động đến hoạt động của Tổng công ty. Nếu có chính sách cho người lao động tốt, lương và đãi ngộ tốt sẽ thu hút được cán bộ giỏi, ngược lại, Tổng công ty sẽ gặp khó khăn khi không có lao động trình độ cao. Đây cũng là rủi ro tiềm ẩn nếu PVIRE không có chiến lược đúng đắn về mặt quản lý và nhân sự.

4. Rủi ro khác

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho nghiên cứu; không phát triển được những sản phẩm mới độc đáo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường. Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.

Rủi ro về bảo mật thông tin: Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với công ty tái bảo hiểm. Những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của Công ty.

Các công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, ... Những sự kiện bất thường như thảm họa thiên tai, thảm kịch quy mô lớn có thể làm ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của công ty thông qua việc gây ra các khoản chi bồi thường lớn.

Giao đoạn cuối năm 2019 – đầu năm 2020, nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Dịch bệnh lây lan kéo dài cùng với sự bùng

phát trở lại làn sóng thứ 2 tại một số quốc gia trong đó có Việt Nam, gây tổn thất trực tiếp lên các lĩnh vực như du lịch, vận tải và hoạt động xuất nhập khẩu. Tiếp đến, các nhóm ngành sản xuất và đầu tư sẽ chịu tác động gián tiếp. Đối với ngành bảo hiểm nói chung, theo đánh giá sơ bộ của Bộ Tài chính, giá dịch vụ bảo hiểm hiện chưa tăng, nhưng nếu dịch kéo dài, các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phải tăng chi phí bồi thường, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, do đó phải điều chỉnh tăng phí bảo hiểm.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, về cơ bản, các hợp đồng bảo hiểm được tái tục từ cuối năm trước, hoặc là các hợp đồng bao nên tổng doanh thu phí bảo hiểm không có nhiều biến động (bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm sức khỏe...). Tuy nhiên, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp có vốn đầu tư Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản hoặc một số quốc gia Châu Âu khác có thể bị ảnh hưởng liên quan đến lao động, hoạt động du lịch sang các nước này có thể bị trì hoãn, dẫn đến việc giảm phí bảo hiểm du lịch và có thể tăng chi phí bảo hiểm gián đoạn kinh doanh cho một số doanh nghiệp tại Việt Nam. Ngoài ra, có thể phát sinh chi phí bảo hiểm chăm sóc sức khỏe đối với bệnh nhân nhiễm virus NCoV nếu có tham gia bảo hiểm. Song trong ngắn hạn, phí bảo hiểm du lịch và chi phí bồi thường gián đoạn kinh doanh không quá cao, và chưa phát sinh chi phí bảo hiểm chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân nhiễm virus này nên tổng quan, dịch bệnh có ảnh hưởng nhưng chưa lớn đến doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.

Tuy nhiên, dịch bệnh Covid-19 cũng có tác động tích cực đối với thị trường bảo hiểm qua việc nhận thức của người dân về vai trò và ý nghĩa của bảo hiểm được nâng lên, từ đó thúc đẩy việc tham gia bảo hiểm của người dân để bảo vệ sức khỏe cũng như tài sản của mình.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Anh Tuấn	: Tổng Giám đốc
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc Khối Hoạt động
Ông Ngô Thanh Hải	: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi thực hiện, được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Bà Nguyễn Thị Hạnh : Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp

(Theo ủy quyền số 125-2019/QĐ/FPTS-FHR ngày 23/12/2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 52/2019/FPTS/FCF-HN/PVIRE với Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/ PVIRE	Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI
CTCP/ CP	Công ty cổ phần/ Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BH	Bảo hiểm
BCTC	Báo cáo tài chính
CMT	Chứng minh thư nhân dân
CCCD	Căn cước công dân
GCNDKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBNV	Cán bộ nhân viên
UBCK	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

SGDHN

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

TBH

Tái bảo hiểm

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:****1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên công ty	:	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI
Tên tiếng Anh	:	PVI REINSURANCE JOINT-STOCK CORPORATION
Tên viết tắt	:	PVIRE
Mã chứng khoán	:	PRE

Logo : **PVIRE**

Vốn điều lệ đăng ký : 728.000.000.000 VND (*Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng*)

Vốn điều lệ thực góp : 728.000.000.000 VND (*Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng*)

Người đại diện theo pháp luật : Trịnh Anh Tuấn - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trụ sở chính : Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại : (024) 3734 2828

Số fax : (024) 3734 2626

Website : <http://www.pvire.com.vn/>

GCNDKKD/Giấy phép hoạt động : Số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018.

Ngành nghề kinh doanh chính: Tái bảo hiểm

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ phi bảo hiểm nhân thọ sau đây:
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;

- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.
- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe;
- ❖ Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành, phát triển

- Tháng 7/2011, Tổng công ty Tái bảo hiểm PVI – công ty con của PVI Holdings, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH một thành viên, vốn điều lệ là 460 tỷ đồng và với sứ mệnh trở thành nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp có thương hiệu quốc tế. Chỉ sau 08 tháng đi vào hoạt động, PVIRE trở thành công ty tái bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam được xếp hạng năng lực tài chính quốc tế bởi tổ chức A.M. Best, chứng minh PVIRE đã sẵn sàng chủ động hội nhập với thị trường toàn cầu.
- Tháng 10/2013, việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp sang công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 668 tỷ đồng là một mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đưa PVIRE trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI, góp phần nâng mức giữ lại và năng lực nhận tái bảo hiểm của Công ty.
- Tháng 05/2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ để tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Năm 2018, sau khi hoàn thành đợt tăng vốn, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI nhận được Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính, hoạt động với vốn điều lệ thực góp là 728 tỷ đồng.
- Từ ngày thành lập, nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của các cổ đông, các khách hàng và các đối tác, PVIRE đã luôn cố gắng vươn mình phát triển và đã liên tiếp đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, hiệu quả hoạt động kinh doanh năm sau cao hơn năm trước. Đồng thời, PVIRE đã vinh dự được khách hàng đánh giá cao về chất lượng dịch vụ cũng như những giá trị thặng dư PVIRE đem lại khi thu xếp các chương trình tái bảo hiểm. Bên cạnh đó, PVIRE cũng đã thiết lập được quan hệ lâu dài và bền vững với hàng trăm các nhà bảo hiểm, tái bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm hàng đầu trong nước cũng như quốc tế, đảm bảo năng lực thu xếp của PVIRE đến mức tối đa.
- Nổi tiếp thành công, năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng ngày 26/11/2019 và thực

hiện đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, góp phần đem lại hình ảnh minh bạch hơn trong mắt công chúng.

❖ **Các danh hiệu mà Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI đã đạt được**

- Năm 2019, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã nâng hạng năng lực tài chính của PVIRE ở mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực).
- Ngày 18/12/2019, PVIRE đã vinh dự đón nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhân dịp Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam và Ngày Thị trường bảo hiểm Việt Nam.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, PVIRE đã thực hiện các đợt thay đổi vốn, cụ thể như sau:

Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Tháng 10/2013	Tổng công ty chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu của các cổ đông để tăng vốn điều lệ từ 460.000.000.000 đồng lên 668.000.000.000 đồng.			
Tháng 10/2016 đến tháng 09/2018	6.000.000	728.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2016; + Công văn số 216/PVIRE-HĐQT ngày 20/7/2018 báo cáo về việc hoàn thành tăng vốn điều lệ; + Công văn số 239/PVIRE-HĐQT ngày 20/8/2018 báo cáo bổ sung về việc hoàn thành tăng vốn điều lệ và hồ sơ kèm theo; + Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 21/9/2018.

(Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI)

Chi tiết từng đợt tăng vốn như sau:

Chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH sang Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa : 460.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa : 668.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu : 66.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông : 74 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận : Bộ Tài chính

Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016.

- Vốn điều lệ trước phát hành : 668.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 728.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 6.000.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền : 167:15 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 167 quyền mua được mua 15 cổ phiếu phát hành thêm.
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 57 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 57 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn năm 2016: Bộ Tài chính, Đại hội đồng cổ đông công ty.

2. Cơ cấu tổ chức

❖ Văn phòng Trụ sở chính:

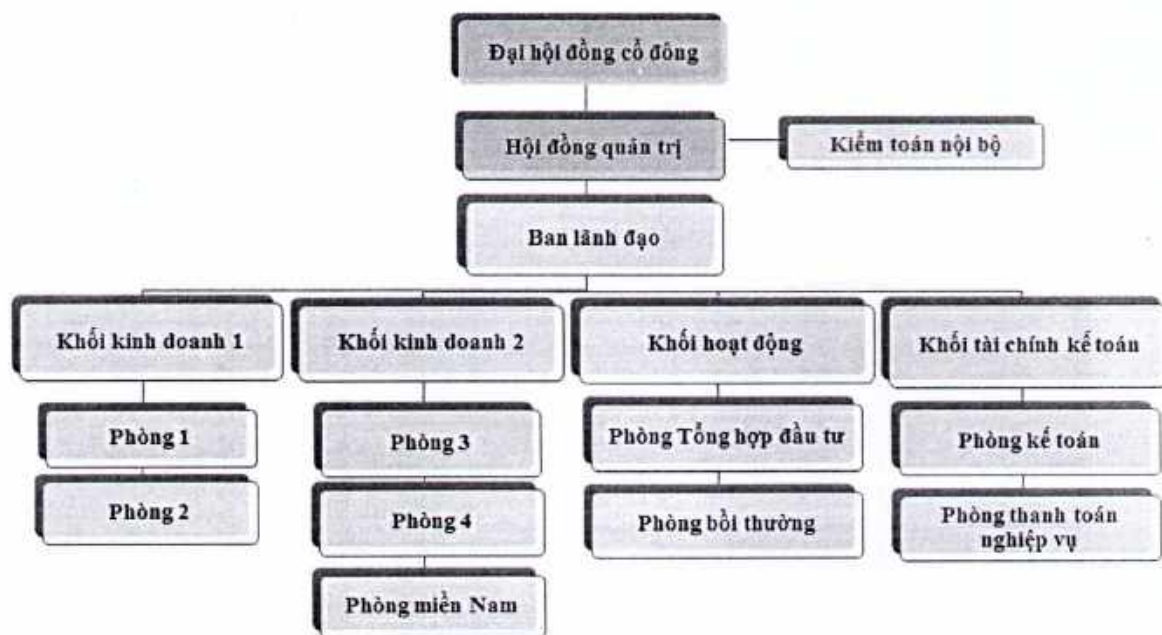
Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

SĐT: 024 3734 2828

Fax: 024 3734 2626

Người đại diện: Trịnh Anh Tuấn – Tổng Giám đốc

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



PVIRE hoạt động theo Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do ĐHĐCĐ thông qua, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.

3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ thông qua những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bổ sung và sửa điều lệ, quyết định bộ máy điều hành của Công ty và những phạm vi khác trong thẩm quyền được quy định tại điều lệ công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HĐQT bao gồm 06 thành viên trong đó có 01 thành viên điều hành và 05 thành viên không điều hành Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Không

Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Có
Trương Minh Đức	Thành viên độc lập HĐQT	Không
Nguyễn Anh Vũ	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng ban kiểm toán nội bộ	Không
Alexander - Nicolai Neumann	Thành viên HĐQT	Không
Lâm Nhật Sơn	Thành viên HĐQT	Không

❖ Ban Kiểm toán nội bộ

PVIRe hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014. Theo đó, đối với cơ cấu tổ chức quản lý không có Ban Kiểm soát này, công ty đã đảm bảo ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị (2/6 thành viên) là thành viên độc lập đồng thời thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm toán nội bộ có chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty, giám sát hệ thống báo cáo tài chính, rà soát báo cáo tài chính, rà soát công bố thông tin và báo cáo cho HĐQT các vấn đề trọng yếu có liên quan.

Họ tên	Chức vụ
Nguyễn Anh Vũ	Trưởng ban kiểm toán nội bộ

3.3. Ban Điều hành

- Tổng giám đốc lãnh đạo điều hành toàn bộ hoạt động của PVIRe theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ PVIRe và các quy định pháp luật khác có liên quan trên nguyên tắc đảm bảo doanh nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững.
- Tổng giám đốc phân công và ủy quyền điều hành cho các Giám đốc Khối các công việc trong từng lĩnh vực.
- Các Giám đốc Khối chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về các quyết định liên quan đến việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền.
- Các Giám đốc Khối chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp, xuyên suốt đến kết quả cuối cùng, ký các văn bản, hồ sơ, quyết định liên quan đến các công việc được phân công và ủy quyền đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các quy định của PVIRe.
- Các Giám đốc Khối chủ động chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền.

- Các Giám đốc Khối chủ động phối hợp với Giám đốc Khối khác để giải quyết công việc có liên quan. Trường hợp giữa các Giám đốc Khối còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo Tổng Giám đốc xin ý kiến chỉ đạo.
- Các Giám đốc Khối có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định của PVIRe.

Ban Điều hành của Tổng công ty bao gồm 05 thành viên:

Họ tên	Chức vụ
Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Kinh doanh 1
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Kinh doanh 2
Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng giám đốc - Giám Đốc Khối Hoạt động
Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

3.4. Các Khối, Phòng ban chức năng

Các Khối, Phòng ban trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Ban quản lý điều hành. Các chức năng, nhiệm vụ của các phòng cụ thể như sau:

a. *Khối Kinh doanh 1:*

❖ **Phòng 1**

- Kinh doanh tái bảo hiểm gồm: cung cấp năng lực, dịch vụ nhận tái bảo hiểm cho khách hàng; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng nhận tái bảo hiểm; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển tiếp an toàn, hiệu quả;
- Xây dựng và triển khai các chương trình tái bảo hiểm thuộc nghiệp vụ Hàng hải, Năng lượng, Hàng không, Nông nghiệp, Vệ tinh do PVIRe khai thác;
- Công tác xây dựng và phát triển thị trường gồm: tìm kiếm, tập hợp và quản lý thông tin về thị trường; phát triển thị trường tái bảo hiểm mới; xây dựng các chính sách quản lý khách hàng; giám sát việc thực hiện trao đổi dịch vụ, hợp tác với các đối tác;
- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng; duy trì và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của phòng và chủ động cung cấp thông tin cho Ban Điều hành những sự thay đổi trong hệ thống quản lý rủi ro.

- Các nhiệm vụ khác như: phối kết hợp với các phòng, các khối khác để xử lý và giải quyết các công việc; lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo định kỳ; lập và đánh giá KPI, tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng, khối và của toàn Tổng công ty.

❖ **Phòng 2**

- Kinh doanh tái bảo hiểm gồm: cung cấp năng lực, dịch vụ nhận tái bảo hiểm cho khách hàng; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng nhận tái bảo hiểm; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển tiếp an toàn, hiệu quả;
- Xây dựng và triển khai các chương trình tái bảo hiểm thuộc nghiệp vụ phi hàng hải cho toàn PVI (Retro Treaty);
- Công tác xây dựng và phát triển thị trường gồm: tìm kiếm, tập hợp và quản lý thông tin về thị trường; phát triển thị trường tái bảo hiểm mới; xây dựng các chính sách quản lý khách hàng; giám sát việc thực hiện trao đổi dịch vụ, hợp tác với các đối tác;
- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng; duy trì và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của phòng và chủ động cung cấp thông tin cho Ban Điều hành những sự thay đổi trong hệ thống quản lý rủi ro.
- Các nhiệm vụ khác như: phối kết hợp với các phòng, các khối khác để xử lý và giải quyết các công việc; lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo định kỳ; lập và đánh giá KPI, tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng, khối và của toàn Tổng công ty.

b. Khối Kinh doanh 2:

❖ **Phòng 3**

- Kinh doanh tái bảo hiểm gồm: cung cấp năng lực, dịch vụ nhận tái bảo hiểm cho khách hàng; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng nhận tái bảo hiểm; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển tiếp an toàn, hiệu quả; phối hợp với các phòng/khối chức năng, xây dựng và thu xếp chương trình chia sẻ và bảo vệ;
- Kinh doanh tái bảo hiểm với các rủi ro thuộc nghiệp vụ Kỹ thuật, Hàng không (theo phương thức tái bảo hiểm tạm thời) phát sinh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam (trừ các dịch vụ do PVI Insurance cấp đơn bảo hiểm gốc hoặc hợp đồng bảo hiểm và nhượng tái cho PVI); các sản phẩm mới, bao gồm nhưng không giới hạn: tiêu dùng tín dụng cá nhân, bảo hiểm rủi ro trên không gian mạng ảo, bảo hiểm nông nghiệp; các hợp đồng cố định phi hàng hải đối với các rủi ro thuộc thị trường trong nước; các rủi ro tại Lào, Campuchia và các nước châu Á mà Việt Nam có quyền lợi/lợi ích liên quan, được nhượng tái bảo hiểm bởi các công ty bảo hiểm địa phương có vốn góp hoặc liên doanh với công ty bảo hiểm Việt Nam hoặc các công ty bảo hiểm có giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

- Hỗ trợ kỹ thuật, giám định điều kiện và đánh giá rủi ro khai thác bảo hiểm nhằm tối ưu hóa mức giữ lại của các phòng/khối kinh doanh; cung cấp thông tin về rủi ro và các cơ sở ước lượng tổn thất lớn nhất có thể xảy ra đối với từng đơn lẻ hoặc sự kiện; cảnh báo các rủi ro khai thác tái bảo hiểm như các vùng, khu vực, lĩnh vực có xu hướng tổn thất cao.
- Quan hệ khách hàng và phát triển thị trường bao gồm: thiết lập, duy trì quan hệ với khách hàng (công tác marketing khách hàng, công tác công nợ, ...); quản lý, phát triển và mở rộng thị trường trong và ngoài nước (các đơn vị khai thác gốc và đơn vị môi giới); Là đầu mối thực hiện và xây dựng các chương trình đào tạo nghiệp vụ cho các khách hàng thuộc thị trường trong nước.
- Phối hợp với các phòng/khối liên quan, rà soát và kiểm soát tích tụ các hợp đồng nhận tái bảo hiểm trong nước;
- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng; duy trì và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của phòng và chủ động cung cấp thông tin cho Ban Điều hành những sự thay đổi trong hệ thống quản lý rủi ro.
- Các nhiệm vụ khác như: phối kết hợp với các phòng, các khối khác để xử lý và giải quyết các công việc; lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo định kỳ; lập và đánh giá KPI, tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng, khối và của toàn Tổng công ty.

❖ **Phòng 4**

- Kinh doanh tái bảo hiểm gồm: cung cấp năng lực, dịch vụ nhận tái bảo hiểm cho khách hàng; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng nhận tái bảo hiểm; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển tiếp an toàn, hiệu quả;
- Kinh doanh nhận nhượng tái bảo hiểm tạm thời các nghiệp vụ: Bảo hiểm tài sản, Bảo hiểm trách nhiệm hỗn hợp, Bảo hiểm xe cơ giới, Bảo hiểm hàng hải, Bảo hiểm P&I, Nhà tư nhân và các sản phẩm bảo hiểm khác; Tái bảo hiểm cố định nghiệp vụ Bảo hiểm hàng hải và Xe cơ giới;
- Quan hệ khách hàng và phát triển thị trường bao gồm: thiết lập, duy trì quan hệ với khách hàng và giám sát việc thực hiện hợp tác; thực hiện công tác Marketing thường xuyên ở cấp lãnh đạo Phòng Tái bảo hiểm và cấp chuyên viên làm việc trực tiếp, phối hợp tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty thực hiện công tác Marketing ở cấp cao; quản lý, phát triển và mở rộng thị trường trong và ngoài nước (các đơn vị khai thác gốc và đơn vị môi giới);
- Kiểm soát tích tụ các hợp đồng nhận của phòng;
- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng; duy trì và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu

của phòng và chủ động cung cấp thông tin cho Ban Điều hành những sự thay đổi trong hệ thống quản lý rủi ro;

- Các nhiệm vụ khác như: phối kết hợp với các phòng, các khối khác để xử lý và giải quyết các công việc; lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo định kỳ; lập và đánh giá KPI, tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng, khối và của toàn Tổng công ty.

❖ **Phòng miền Nam**

- Kinh doanh tái bảo hiểm gồm: cung cấp năng lực, dịch vụ nhận tái bảo hiểm cho khách hàng; đàm phán, hoàn tất các hợp đồng nhận tái bảo hiểm;
- Đầu mối Kinh doanh nhận nhượng Tái bảo hiểm từ thị trường phía nam đối với các nghiệp vụ kỹ thuật, tài sản, trách nhiệm hỗn hợp, hàng hải, P&I, xe cơ giới, nhà tư nhân và các sản phẩm khác trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam (trừ các dịch vụ PVI Insurance cấp đơn bảo hiểm gốc);
- Quan hệ khách hàng và phát triển thị trường bao gồm: thiết lập, duy trì quan hệ với khách hàng và giám sát việc thực hiện hợp tác; thực hiện công tác Marketing thường xuyên ở cấp lãnh đạo Phòng Tái bảo hiểm và cấp chuyên viên làm việc trực tiếp, phối hợp tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty thực hiện công tác Marketing ở cấp cao; quản lý, phát triển và mở rộng thị trường trong và ngoài nước (các đơn vị khai thác gốc và đơn vị môi giới);
- Kiểm soát tích tụ các hợp đồng nhận của phòng;
- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động của phòng; duy trì và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của phòng và chủ động cung cấp thông tin cho Ban Điều hành những sự thay đổi trong hệ thống quản lý rủi ro;
- Các nhiệm vụ khác như: phối kết hợp với các phòng, các khối khác để xử lý và giải quyết các công việc; lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo định kỳ; lập và đánh giá KPI, tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng, khối và của toàn Tổng công ty.

c. **Khối Hoạt động:**

❖ **Phòng Tổng hợp – Đầu tư**

- Xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh và giám sát việc thực hiện bao gồm chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty; Xây dựng cơ chế định mức chi phí kinh doanh;
- Đánh giá và dự báo các yếu tố tổng thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và xây dựng định hướng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với điều kiện môi trường kinh tế - xã hội, pháp lý cạnh tranh trong và ngoài nước;
- Đầu mối về công tác xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp;

- Trong hoạt động đầu tư, cân đối nguồn vốn, tài sản đầu tư, đề xuất cơ cấu đầu tư, trình các cấp phê duyệt theo quy định; phối hợp với phòng kế toán để thẩm định đầu tư; theo dõi các khoản đầu tư và thu hồi công nợ đầu tư;
- Triển khai và thực hiện công tác tăng vốn và tìm kiếm cổ đông chiến lược; thực hiện công tác quản lý cổ đông, chuyển nhượng cổ phần;
- Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong toàn hệ thống PVIRE;
- Thực hiện công tác pháp chế, công tác quản lý nhân sự của công ty, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực;
- Quản lý lao động tiền lương và chế độ chính sách cho người lao động, công tác thi đua, khen thưởng, đào tạo và tái đào tạo cho người lao động;
- Công tác truyền thông và phát triển thương hiệu: xây dựng kế hoạch truyền thông, công bố và thông báo thông tin, tổ chức họp báo, phát triển mối quan hệ với các phương tiện thông tin đại chúng;
- Công tác hành chính, lễ tân; công tác văn thư, lưu trữ;
- Xây dựng và quản lý hệ thống công nghệ thông tin bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT, hệ thống bảo mật, hệ thống phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh; mua sắm, bảo hành, bảo trì các thiết bị tin học; xây dựng chiến lược phát triển công nghệ thông tin;
- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động chung của khối Hoạt động; xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng tài sản, vốn và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và tài sản;
- Đầu mối thực hiện công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên;
- Các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

❖ **Phòng Bồi thường**

- Quản lý và giải quyết khiếu nại bảo hiểm, thu đòi bồi thường: xử lý bồi thường, lập dự phòng bồi thường đủ và đúng theo quy định;
- Giải quyết các thắc mắc và yêu cầu của khách hàng liên quan đến khiếu nại bồi thường; phản hồi các rủi ro trong quá trình chuẩn bị và ký kết hợp đồng tái bảo hiểm bao gồm các vấn đề liên quan đến điều kiện điều khoản, thông tin liên quan đến rủi ro trong quá trình giải quyết bồi thường tới cán bộ khác thác và cán bộ kiểm soát nội bộ để khắc phục hoặc điều chỉnh quy trình, quy định kịp thời
- Các nhiệm vụ khác như: phối kết hợp với các phòng, các khối khác để xử lý và giải quyết các công việc; lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo định kỳ; lập và đánh giá KPI, tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng, khối và của toàn Tổng công ty.

d. Khối Tài chính kế toán:**❖ Phòng Kế toán**

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán và kế hoạch tài chính, lập báo cáo tài chính; tuân thủ các quy định, quy chế về quản lý tài chính, kế toán; Triển khai tính toán Quỹ dự phòng phí, dự phòng dao động lớn theo quy định của Bộ Tài chính; Kiểm soát và quản lý các khoản doanh thu, chi phí, tài sản, công nợ và nguồn vốn;
- Xây dựng kế hoạch và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch chi phí quản lý, kế hoạch dòng tiền; Tổ chức thực hiện công tác kế toán quản trị, lập báo cáo quản trị; Cân đối nguồn vốn để đầu tư, thẩm định đầu tư; Phân tích thông tin số liệu kế toán tài chính, kế toán quản trị hỗ trợ Ban Lãnh đạo trong công tác điều hành.
- Xây dựng, thực hiện các quy chế, quy định, quy trình về quản lý tài chính, kế toán, chi tiêu và đầu tư; xây dựng hướng dẫn, triển khai và duy trì quản lý rủi ro trong hoạt động của phòng
- Các nhiệm vụ khác như: phối kết hợp với các phòng, các khối khác để xử lý và giải quyết các công việc; lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo định kỳ; lập và đánh giá KPI, tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng, khối và của toàn Tổng công ty.

❖ Phòng Thanh toán nghiệp vụ

- Theo dõi thực hiện hợp đồng tái bảo hiểm bao gồm: xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy trình về công tác thanh toán tái bảo hiểm; tính toán phí nhận – nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng tái bảo hiểm, hoa hồng theo lãi, thu chi bồi thường và các khoản thu chi khác liên quan; kiểm tra tính chính xác của các chứng từ liên quan đến thanh toán tái bảo hiểm như: bản thanh toán (SOA), bản thống kê phí (Premium Bordereaux) và bản thống kê bồi thường của các hợp đồng nhận – nhượng tái bảo hiểm tỷ lệ, phí tỷ lệ trên cơ sở cố định hoặc tạm thời; cập nhật, xử lý và thống kê số liệu của hợp đồng nhận – nhượng tái bảo hiểm một cách chính xác và đầy đủ trên phần mềm; lập chứng từ thanh toán kịp thời gửi cho khách hàng và kế toán để kiểm tra, hạch toán và lưu trữ.
- Theo dõi, kiểm soát nợ phải thu, phải trả với khách hàng, thường xuyên theo dõi và xử lý công nợ tồn đọng với khách hàng; định kỳ hàng tháng lên kế hoạch thu chi đối với từng đối tác.
- Thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ (tháng/quý/năm) theo quy định: báo cáo tình hình nhận, nhượng tái bảo hiểm, tình hình thu chi, báo cáo công nợ và các báo cáo khác theo yêu cầu.
- Các nhiệm vụ khác như: lập và đánh giá KPI của phòng, tổ chức quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của phòng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty (tại ngày 08/05/2020)

TT	Cổ đông	Số CMT/ Hộ chiếu/ CCCD hoặc GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%) nắm giữ trên vốn điều lệ thực góp
1	Công ty cổ phần PVI	0100151161	Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và CTCC Yên Hòa, Phạm Văn Bạch, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	53.226.825	73,11%
2	Nguyễn Phúc Anh	013185227	36A, Lý Nam Đế, Hà Nội	7.192.814	9,88%
Tổng cộng				60.419.639	82,99 %

Nguồn: Sổ quản lý cổ đông của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI chốt ngày 08/05/2020

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Công ty trở thành công ty cổ phần từ năm 2013, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 08/05/2020

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	105	72.780.000	727.800.000.000	99,97%
	Tổ chức	02	54.305.422	543.054.220.000	74,60%
	Cá nhân	103	18.474.578	184.745.780.000	25,38%

2	Cổ đông nước ngoài	01	20.000	200.000.000	0,03%
	Tổ chức	0	0	0	0
	Cá nhân	01	20.000	200.000.000	0,03%
	Tổng cộng	106	72.800.000	728.000.000.000	100%

(Nguồn: Sổ quản lý cổ đông của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI ngày 08/05/2020)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết chi

• Công ty mẹ

Tên công ty : **Công ty cổ phần PVI**
 Địa chỉ : Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
 Vốn điều lệ : 2.342.000.000.000 tỷ đồng *(Hai nghìn ba trăm bốn mươi hai tỷ đồng)*
 Giấy CN ĐKKD : 0100151161 cấp lần đầu ngày 12/03/2007
 Tỷ lệ nắm giữ tại PVIRe : 73,11% (chốt tại ngày 08/05/2020)
 Ngành nghề kinh doanh chính : + Hoạt động nắm giữ tài sản
 + Hoạt động dịch vụ tài chính
 + Kinh doanh bất động sản

- **Công ty con:** Không có
- **Công ty liên doanh, liên kết:** Không có
- **Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có
- **Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:**

Tên công ty : **Công ty cổ phần PVI**

(Thông tin của Công ty đã được nêu ở trên)

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính

a. Kinh doanh tái bảo hiểm



BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

PVIRE cung cấp các loại hình tái bảo hiểm cho toàn bộ các tài sản và hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực hàng không trên cơ sở các giải pháp tái bảo hiểm tạm thời hoặc tái bảo hiểm cố định. Các sản phẩm chính:

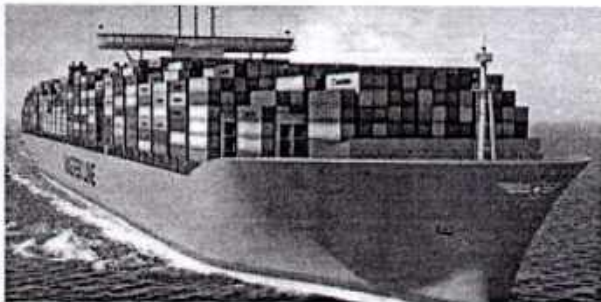
- Bảo hiểm mọi rủi ro thân, phụ tùng máy bay và trách nhiệm pháp lý
- Bảo hiểm mất khả năng sử dụng máy bay
- Bảo hiểm rủi ro chiến tranh và các rủi ro tương tự



BẢO HIỂM HÀNG HẢI

Với nhiều chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực hàng hải, PVIRE có thế mạnh trong việc cung cấp các chương trình tái bảo hiểm cho các đội tàu viễn dương lớn của Việt Nam và các công ty vận tải biển lớn trên thế giới. Chúng tôi hiện đang cung cấp các dịch vụ tái bảo hiểm tạm thời hoặc tái cố định đối với các loại hình bảo hiểm:

- Bảo hiểm thân tàu, đóng tàu
- Bảo hiểm hàng hóa
- Bảo hiểm P&I



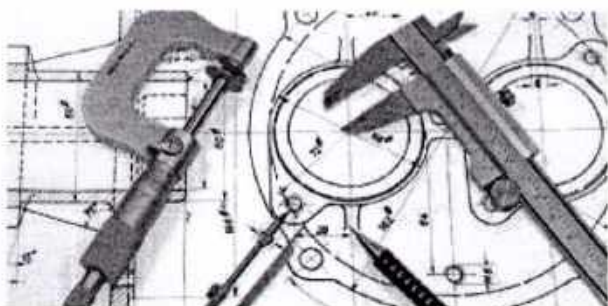
BẢO HIỂM TÀI SẢN

Với đội ngũ kỹ sư đánh giá rủi ro nhiều năm kinh nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực công nghiệp và dân dụng, PVIRE có khả năng thiết kế các giải pháp, chương trình tái bảo hiểm ưu việt cho từng nhóm rủi ro riêng biệt cho khách hàng của mình, đặc biệt là các nhóm rủi ro thuộc lĩnh vực lọc hóa dầu, nhà máy điện và các nhà máy sản xuất công nghiệp có quy mô lớn và phức tạp.

Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp
- Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc
- Bảo hiểm nhà, khách sạn, siêu thị...
- Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh





BẢO HIỂM KỸ THUẬT

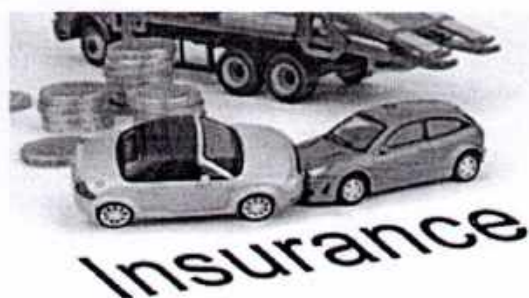
Bằng sự kết hợp linh hoạt và hiệu quả các sản phẩm bảo hiểm Kỹ thuật truyền thống, đội ngũ chuyên gia của PVIRe cung cấp cho khách hàng các giải pháp tối ưu, sự đa dạng và phong phú khi lựa chọn các dịch vụ và chương trình tái bảo hiểm Tạm thời/Cố định áp dụng cho những công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng và lắp đặt
- Bảo hiểm công trình xây dựng đã hoàn thành.
- Bảo hiểm máy móc thiết bị thi công
- Bảo hiểm thiết bị điện tử

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM

PVIRe cung cấp năng lực tái bảo hiểm tạm thời và tái bảo hiểm cố định cho hầu hết các loại hình bảo hiểm trách nhiệm bao gồm:

- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
- Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba
- Bảo hiểm trách nhiệm công cộng và sản phẩm
- Bảo hiểm trách nhiệm người sử dụng lao động, người lao động
- Bảo hiểm trách nhiệm giải thưởng, D&O...



BẢO HIỂM CƠ GIỚI

PVIRe là đơn vị đi đầu trong việc cung cấp các giải pháp và năng lực tái bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm ô tô tại Việt Nam. Công ty hiện cung cấp các nghiệp vụ tái bảo hiểm tỷ lệ hoặc phi tỷ lệ cho các sản phẩm bảo hiểm:

- Bảo hiểm thân vỏ
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe

BẢO HIỂM SỨC KHỎE

PVIRe cung cấp năng lực tái bảo hiểm cho các sản phẩm bảo hiểm tai nạn và sức khỏe bao gồm:

- Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện
- Bảo hiểm tai nạn và thương tật thân thể
- Bảo hiểm khách du lịch trong nước và nước ngoài





BẢO HIỂM CHUYÊN BIỆT

PVIRe luôn chú trọng tới việc đáp ứng các nhu cầu phát triển sản phẩm mới và chuyên biệt của khách hàng. Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, PVIRe có khả năng đưa ra các giải pháp tái bảo hiểm tối ưu cho các nhóm sản phẩm:

- Bảo hiểm nông nghiệp
- Bảo hiểm toàn diện ngân hàng
- Bảo hiểm các thiết bị điện thoại thông minh
- Bảo hiểm vệ tinh

Tình hình **nhận tái bảo hiểm** của công ty được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

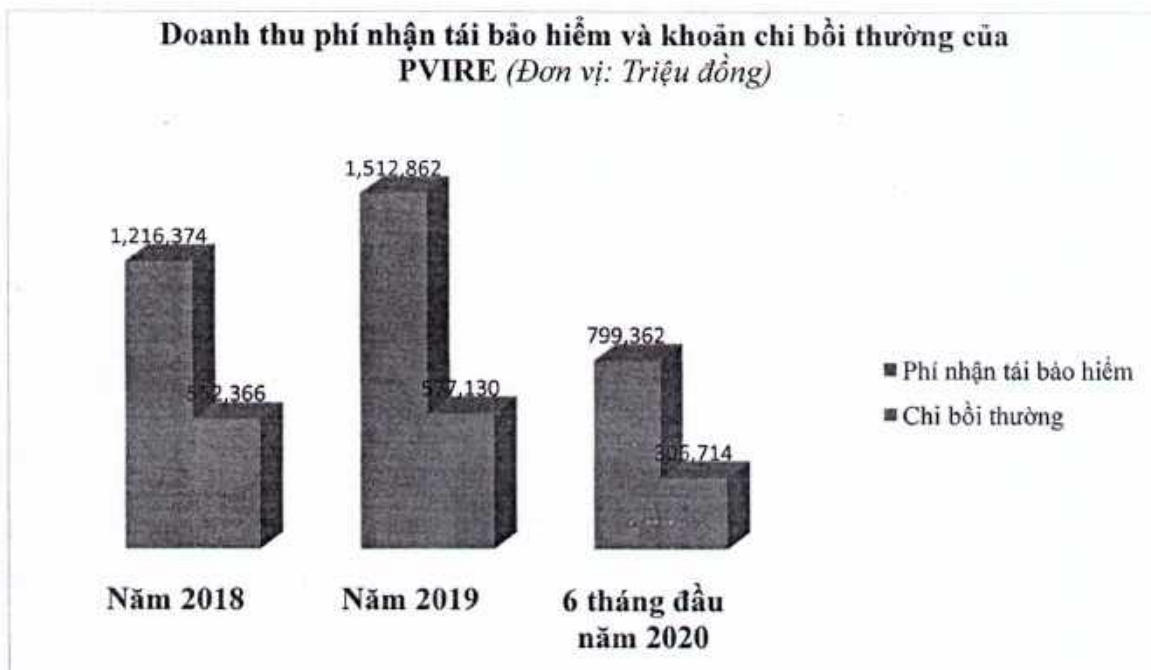
Bảng 4. Tình hình nhận tái bảo hiểm của PVIRe

Đơn vị: Triệu VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm năm 2019 so với 2018	6 tháng đầu năm 2020
1	Phí nhận tái bảo hiểm	1.216.374	1.512.862	24,37%	799.362
2	Chi bồi thường	552.366	577.130	4,48%	306.714
	Chi bồi thường/phí nhận tái bảo hiểm	45,41%	38,15%	-	38,37%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Trong năm 2018, doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm giảm 4,83% so với năm 2017, tuy nhiên tỷ lệ chi bồi thường trên phí nhận tái bảo hiểm giảm xuống còn 45,41%. Năm 2019, phí nhận tái bảo hiểm quay lại đà tăng trưởng, đạt hơn 1.512 tỷ đồng, tăng 24,37% so với năm 2018; tỷ lệ chi bồi thường cũng giảm chỉ còn 38,15% trên phí nhận tái bảo hiểm. Trong 6 tháng đầu năm 2020, phí nhận tái bảo hiểm xấp xỉ 800 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2019 (xấp xỉ 900,5 tỷ đồng). Chi bồi thường tính từ đầu năm trong 6 tháng đầu năm 2020 là 306,7 tỷ đồng, giảm gần 8% so với cùng kỳ năm 2019 (332,4 tỷ đồng).



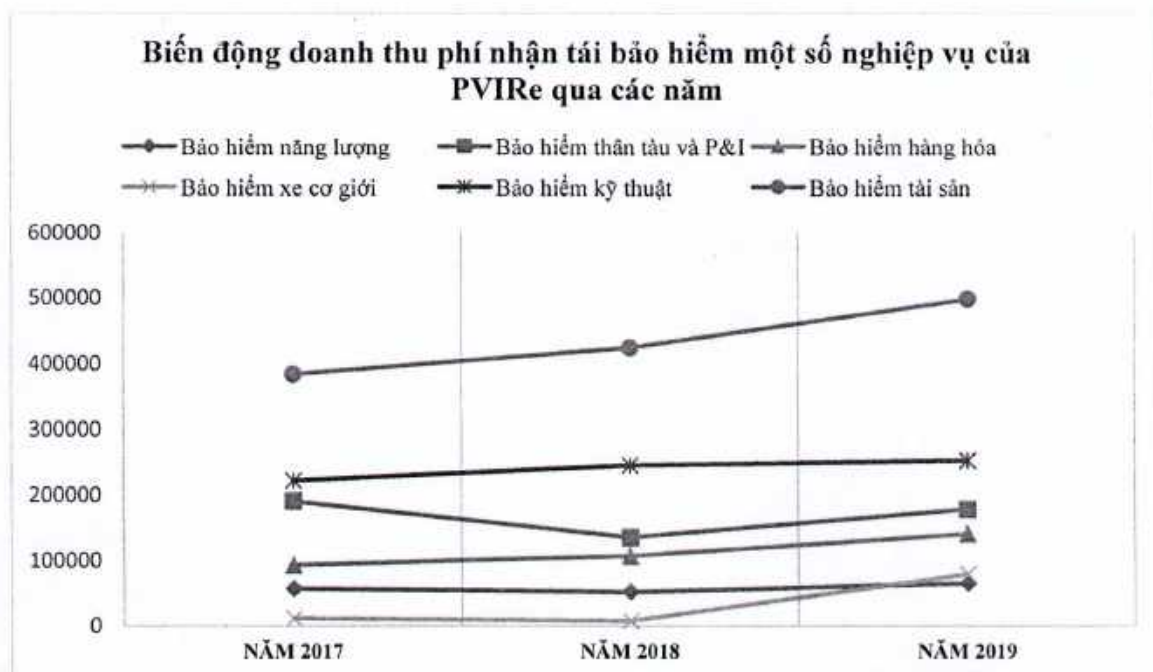
Phí nhận tái bảo hiểm được Công ty ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi. Khi PVIRE nhận được thông báo tái bảo hiểm sẽ tiến hành đối chiếu với hợp đồng đã ký kết giữa công ty và các nhà nhượng tái, nếu được xác nhận là chính xác thì công ty ghi nhận doanh thu phí nhận tái bảo hiểm. Cơ cấu Phí nhận tái bảo hiểm của công ty theo các nghiệp vụ tái bảo hiểm trên của công ty như sau:

Bảng 5. Cơ cấu phí nhận tái bảo hiểm của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nghiệp vụ	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bảo hiểm năng lượng	51.538	4,24	64.688	4,28	36.456	4,56
2	Bảo hiểm thân tàu và P&I	134.749	11,08	177.556	11,74	78.037	9,76
3	Bảo hiểm hàng hóa	106.453	8,75	139.887	9,25	64.495	8,07
4	Bảo hiểm con người	2.202	0,18	2.117	0,14	930	0,12
5	Bảo hiểm xe cơ giới	7.086	0,58	78.309	5,18	63.748	7,97
6	Bảo hiểm kỹ thuật	244.785	20,12	252.240	16,67	131.054	16,39
7	Bảo hiểm tài sản	423.707	34,83	498.156	32,93	291.311	36,44
8	Bảo hiểm cháy nổ	137.576	11,31	153.162	10,12	76.819	9,61
9	Bảo hiểm hàng không	3.977	0,33	4.001	0,26	2.437	0,30
10	Bảo hiểm khác	104.301	8,57	142.747	9,44	54.075	6,76
Tổng cộng		1.216.374	100	1.512.863	100	799.362	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE



Nguồn: Số liệu theo BCTC kiểm toán PVIRE năm 2018, 2019

Nghiệp vụ Bảo hiểm tài sản luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu phí bảo hiểm của công ty, tiếp đến là Bảo hiểm kỹ thuật, Bảo hiểm cháy nổ và Bảo hiểm thân tàu và P&I. Bảo hiểm con người và Bảo hiểm hàng không chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu phí nhận tái bảo hiểm.

Bảo hiểm xe cơ giới có năm 2017, 2018 chiếm tỷ trọng nhỏ (dưới 1%) trong cơ cấu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm, nhưng lại tăng mạnh trong năm 2019 (lên mức trên 5%). Phí nhận tái bảo hiểm với nghiệp vụ bảo hiểm tài sản, bảo hiểm hàng hóa duy trì mức tăng trưởng ổn định, khoảng 11-14%/năm và tiếp tục là nghiệp vụ chính trong hoạt động nhận tái bảo hiểm của PVIRE. Hoạt động nhận tái bảo hiểm với nghiệp vụ bảo hiểm hàng không có xu hướng giảm mạnh trong hai năm 2018 và 2019 do công ty điều chỉnh chính sách khai thác, giảm khai thác nghiệp vụ hàng không từ nước ngoài có tổn thất cao trong lịch sử...

Nghiệp vụ bảo hiểm khác bao gồm các loại bảo hiểm như: Bảo hiểm vệ tinh, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh, bảo hiểm rủi ro tài chính...

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở chứng từ thu đòi bồi thường của các nhà tái bảo hiểm gửi cho PVIRE và công ty chấp nhận bồi thường dựa vào hồ sơ bồi thường được khách hàng gửi đến (Hồ sơ đảm bảo đầy đủ, hợp lý, hợp lệ theo quy định của công ty), điều kiện điều khoản của hợp đồng nhận TBH (bồi thường có thuộc trách nhiệm hợp đồng hay không). Thời điểm ghi nhận chi phí bồi thường là khi nhận được chứng từ thu đòi bồi

thường của các nhà TBH cho PVIRE và được cấp lãnh đạo có thẩm quyền phê duyệt chi trả bồi thường dựa trên những điều kiện như trên.

Cơ cấu các khoản chi bồi thường phân theo các nghiệp vụ bảo hiểm của PVIRE như sau:

Bảng 6. Cơ cấu chi bồi thường của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi bồi thường	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bảo hiểm năng lượng	47.110	8,53	74.816	12,96	33.616	10,96
2	Bảo hiểm thân tàu và P&I	104.769	18,97	92.254	15,98	52.785	17,21
3	Bảo hiểm hàng hóa	23.867	4,32	78.836	13,66	11.450	3,73
4	Bảo hiểm con người	322	0,06	1.781	0,31	30	0,01
5	Bảo hiểm xe cơ giới	2.317	0,42	9.700	1,68	22.738	7,41
6	Bảo hiểm kỹ thuật	72.880	13,19	86.672	15,02	26.949	8,79
7	Bảo hiểm tài sản	122.697	22,21	101.626	17,61	44.228	14,42
8	Bảo hiểm cháy nổ	91.701	16,60	55.608	9,64	89.248	29,10
9	Bảo hiểm hàng không	20.522	3,72	16.853	2,92	2.502	0,82
10	Bảo hiểm khác	66.181	11,98	58.984	10,22	23.168	7,55
Tổng cộng		552.366	100	577.130	100	306.714	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

Tình hình **nhượng tái bảo hiểm** của PVIRE được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 7. Tình hình nhượng tái bảo hiểm của PVIRE

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm so với 2018	6 tháng đầu năm 2020
1	Phí nhượng tái bảo hiểm	865.142	945.789	9,32%	552.558
2	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	205.705	242.714	17,99%	142.959
Tỷ lệ hoa hồng/ phí nhượng tái bảo hiểm		23,78%	25,66%	-	25,87%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã được ghi nhận trong năm. So với năm 2018, phí nhượng

tái bảo hiểm và hoa hồng từ nhượng tái bảo hiểm năm 2019 đều tăng, trong đó hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tăng xấp xỉ 18%. Cơ cấu phí nhượng tái bảo hiểm theo các nghiệp vụ tái bảo hiểm được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 8. Cơ cấu phí nhượng tái bảo hiểm của Công ty

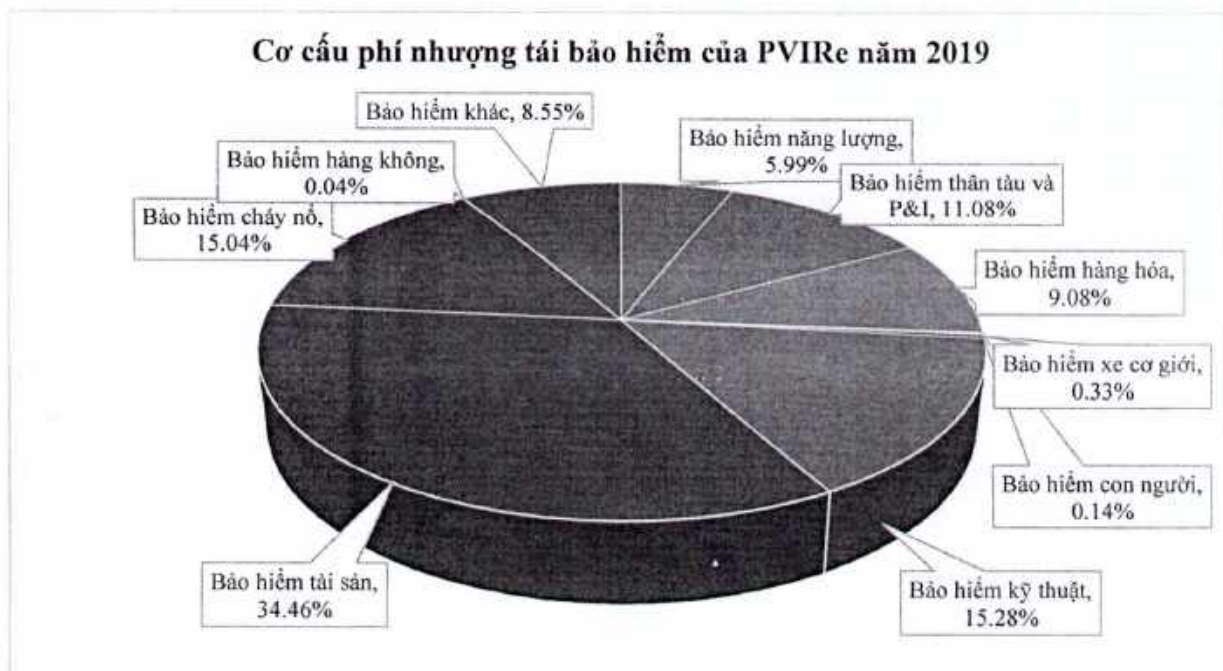
Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nghiệp vụ	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Bảo hiểm năng lượng	42.224	4,88	56.698	5,99	22.440	4,06
2	Bảo hiểm thân tàu và P&I	85.450	9,88	104.796	11,08	53.306	9,65
3	Bảo hiểm hàng hóa	54.460	6,29	85.883	9,08	32.211	5,83
4	Bảo hiểm con người	1.335	0,15	1.326	0,14	562	0,10
5	Bảo hiểm xe cơ giới	3.296	0,38	3.167	0,33	1.340	0,24
6	Bảo hiểm kỹ thuật	175.719	20,31	144.474	15,28	95.506	17,28
7	Bảo hiểm tài sản	312.332	36,10	325.913	34,46	244.127	44,18
8	Bảo hiểm cháy nổ	130.155	15,04	142.284	15,04	71.859	13,00
9	Bảo hiểm hàng không	235	0,03	404	0,04	135	0,02
10	Bảo hiểm khác	59.936	6,93	80.844	8,55	31.072	5,62
Tổng cộng		865.142	100	945.789	100	552.558	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

Bảo hiểm tài sản chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu phí nhượng tái bảo hiểm của PVIRE, tiếp đến là các nghiệp vụ bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm thân tàu và P&I. Bảo hiểm hàng không và Bảo hiểm con người luôn có tỷ trọng thấp nhất trong cơ cấu phí nhượng của công ty. Bảo hiểm khác bao gồm bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro tài chính, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh và bảo hiểm vệ tinh. Các loại bảo hiểm này chiếm tỷ trọng không lớn trong cơ cấu chung của công ty.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, tổng phí nhượng tái bảo hiểm giảm 5%, tuy nhiên, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm lại tăng 19% so với cùng kỳ năm 2019.



b. Đầu tư tài chính

Công ty thực hiện quản lý tập trung dòng tiền nhằm sử dụng hiệu quả tiền nhàn rỗi, huy động tối đa tiền vào đầu tư đồng thời vẫn đảm bảo nhu cầu sử dụng vốn thường xuyên. PVIRe đã xây dựng một danh mục đầu tư đa dạng thông qua nhiều hình thức đầu tư như hoạt động tiền gửi, hoạt động hoán đổi ngoại tệ, đầu tư trái phiếu, đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Bảng 9. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Đầu tư tài chính	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 30/06/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.120.272	1.120.272	1.190.962	1.190.962	1.356.962	1.356.962
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.020.269</i>	<i>1.020.269</i>	<i>628.592</i>	<i>628.592</i>	<i>956.959</i>	<i>956.959</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.020.269	1.020.269	628.592	628.592	956.959	956.959
<i>Dài hạn</i>	<i>100.003</i>	<i>100.003</i>	<i>562.370</i>	<i>562.370</i>	<i>400.003</i>	<i>400.003</i>
- Trái phiếu (ii)	100.003	100.003	100.003	100.003	100.003	100.003
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iii)			462.367	462.367	300.000	300.000
Đầu tư vào đơn vị khác	308.545	315.987	308.545	318.567	308.545	348.336
- Quỹ đầu tư Cơ hội PVI (iv)	204.545	211.631	204.545	214.397	204.545	235.918
- Quỹ đầu tư hạ tầng PVI (v)	104.000	104.356	104.000	104.170	104.000	112.418

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Ghi chú:

- (*) Giá trị hợp lý được xác định như sau:
 - + Đối với khoản đầu tư trái phiếu dài hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường;
 - + Đối với các khoản góp vốn vào các đơn vị khác được xác định theo phương pháp tài sản ròng, căn cứ vào báo cáo tài chính của các đơn vị nhận góp vốn tại thời điểm báo cáo;
 - + Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước được xác định bằng giá trị ghi sổ do thời gian đáo hạn ngắn và không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội (ngày đáo hạn 18/10/2023). Các khoản tiền gửi tại thời điểm 30/06/2020 cụ thể như sau:

Bảng 10. Các khoản tiền gửi của Công ty tại thời điểm 30/06/2020

TT	Khoản tiền gửi (tỷ đồng)	Kỳ hạn gốc (ngày)	Kỳ hạn còn lại (ngày)	Lãi suất
1	20	396	25	8,30
2	24,59	367	6	6,20
3	65	367	13	8,25
4	45	366	29	8,25
5	110	366	38	8,10
6	16	399	83	8,15
7	10	396	112	8,20
8	8	1,126	485	7,30
9	10	366	115	8,25
10	65	732	489	8,70
11	10	733	496	8,70
12	85	547	316	8,10
13	124	731	506	8,75
14	11	547	322	8,10
15	15	368	153	7,90
16	30	366	156	7,90
17	15	366	163	7,90
18	34	368	167	7,90
19	42	399	202	7,60
20	27	397	211	8,00
21	98,37	366	184	6,20
22	5	406	237	8,00
23	20	367	230	8,10
24	10	549	419	7,99
25	10	367	244	8,10
26	18	550	433	7,90

27	5	396	294	7,40
28	11	399	307	7,40
29	89	395	310	7,70
30	91	395	310	7,40
31	25	365	288	7,70
32	10	365	301	7,70
33	5	365	310	7,80
34	6	367	321	7,30
35	12	367	321	7,40
36	10	396	363	7,20
37	20	396	370	7,20
38	5	397	377	7,20
39	33	395	387	7,30
40	15	398	398	7,30

Nguồn: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Các khoản góp vốn gồm khoản góp vào các Quỹ, cụ thể như sau:

TT	Khoản góp vốn	Vốn điều lệ của quỹ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp tại quỹ	Nội dung đầu tư
1	Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI – POF	1000	20,45%	Tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cơ bản, chủ đạo của Việt Nam
2	Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI – PIF	520	20,00%	Tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cơ bản, chủ đạo của Việt Nam

Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính của Công ty được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 11. Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm năm 2019 so với 2018	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, trái phiếu	45.251	85.173	88,22%	50.472
Lãi từ hoạt động hoán đổi ngoại tệ	17.691	1.926	-89,11%	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.728	7.744	-64,36%	7.645
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.147	40.266	17,92%	-
Tổng cộng	118.817	135.109	13,71%	58.117

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

c. Tư vấn quản lý rủi ro

Với mục tiêu hỗ trợ và cung cấp thêm giá trị gia tăng cho khách hàng, PVIRE đã tạo dựng một đội ngũ các kỹ sư giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực lọc hóa dầu, điện và công trình công nghiệp khác để cung cấp các giải pháp quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu những tổn thất và mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho khách hàng, bao gồm:

- Tư vấn đánh giá rủi ro khai thác bảo hiểm – Risk engineering and survey;
- Cung cấp các chương trình đào tạo chuyên sâu về đánh giá rủi ro;
- Thống kê số liệu bồi thường, quản lý danh mục rủi ro;
- Các công trình dự án tiêu biểu PVIRE đã thực hiện đánh giá rủi ro;

Tuy nhiên như đã đề cập ở trên, vì đây là hoạt động cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng nên hiện tại công ty không ghi nhận doanh thu cho hoạt động này.

❖ Các dự án tiêu biểu tại nước ngoài:

- Các nhà máy thủy điện của Lào như: Nam Khan 2 (130 MW), Houya Lamphan Gnai (90 MW), Nam Sana (14 MW).
- Các nhà máy nhiệt điện và công trình điện của Campuchia như: Sihanoukville CEL Power Station, các trạm phân phối điện...
- Nhà máy sản xuất Pin điện mặt trời tại Malaysia.
- Nhà máy sản xuất thép tại Indonesia.
- Sân bay Changi Singapore.
- Nhà máy sản xuất vi mạch điện tử ST Microcomputer (Singapore).

❖ Lĩnh vực lọc hóa dầu:

- Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất (Quảng Ngãi).
- Nhà máy đạm Phú Mỹ (Bà Rịa – Vũng Tàu).
- Nhà máy đạm Cà Mau (Cà Mau).
- Nhà máy khí Dinh Cố – Nam Côn Sơn.
- Nhà máy xơ sợi Đình Vũ (Hải Phòng).

❖ Lĩnh vực điện:

- Nhà máy thủy điện: Lai Châu (1200 MW), Sơn La (2400 MW), Thượng Kon tum (220 MW), Sông Tranh 2 (190 MW), Hòa Na (180 MW), Dakdrinh (125 MW)
- Nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng (1200 MW), Cẩm Phả (600 MW).
- Nhà máy nhiệt điện khí Cà Mau 1&2 (1500 MW), Nhơn Trạch 1&2 (1200 MW).
- Nhà máy phong điện Bình Thuận (33 MW).

❖ **Công trình công nghiệp:**

- Tổng kho xăng dầu PV Oil, Petrolimex...
- Nhà máy xi măng Kiên Lương (Kiên Giang).
- Mỏ than Núi Béo (Quảng Ninh) và Khánh Hòa (Thái Nguyên).

❖ **Công trình giao thông và phát triển hạ tầng:**

- Dự án tàu điện ngầm Bến Thành – Suối Tiên (TP.HCM).
- Tuyến đường bộ cao tốc Tân Vũ – Lạch Huyện (Hải Phòng).
- Hầm đường bộ Hải Vân.

6.2. Giá trị dịch vụ, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận qua các năm

Bảng 12. Cơ cấu doanh thu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chi tiết	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	1.216.374.282.498	78,46	1.512.862.432.262	79,51	799.362.366.672	79,12
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	205.705.483.234	13,27	242.714.082.257	12,76	142.958.573.586	14,15
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	9.345.732.177	0,60	11.889.467.377	0,62	9.911.088.054	0,98
Doanh thu hoạt động tài chính	118.817.307.925	7,66	135.108.542.063	7,10	58.117.400.800	5,75
Thu nhập khác	1.582.192	0,0001	45.912.000	0,002	0	0,00
Tổng cộng	1.550.244.388.026	100	1.902.620.435.959	100	1.010.349.429.112	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến hết năm 2019, doanh thu nhận tái bảo hiểm đều chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu (gần 80%). Hoa hồng thu được từ nhượng tái bảo hiểm chiếm tỷ trọng cao thứ hai (xấp xỉ 13%). Doanh thu từ hoạt động tài chính tuy chiếm tỉ trọng nhỏ, nhưng có xu hướng tăng trong năm 2018 và năm 2019. Các khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu hoạt động tài chính cũng có xu hướng tăng trong năm 2019, lần lượt là 18% và 14% so với năm 2018.

Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm là các khoản thu không phải là phí, hoa hồng trong hợp đồng nhận TBH, ví dụ như: chi phí giám định điều kiện, phí môi giới... Doanh thu khác hoạt động kinh doanh TBH sẽ tương ứng với Chi phí khác hoạt động kinh doanh TBH.

Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỉ trọng trên DT(*) (%)	Giá trị	Tỉ trọng trên DT(*) (%)	Giá trị	Tỉ trọng trên DTT (%)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	85.473.040.083	12,09	74.060.810.011	9,01	57.813.481.336	11,99
Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	98.672.007.265	13,96	122.690.061.115	14,92	47.065.532.243	9,76
Tổng lợi nhuận gộp	184.145.047.348	26,05	196.750.931.126	23,92	104.879.013.579	21,74

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

(*) Doanh thu (DT) bao gồm Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm và Doanh thu hoạt động tài chính.

Trong giai đoạn trước năm 2018, tỉ trọng lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên doanh thu thuần cao hơn tỷ trọng lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính. Đến năm 2018 và năm 2019 biên lợi gộp của các hoạt động này đã có sự thay đổi, lợi nhuận từ hoạt động tài chính có xu hướng tăng và chiếm tỷ trọng cao hơn so với hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Xu hướng này phù hợp với định hướng của các nhà Tái bảo hiểm chuyên nghiệp hiện nay.

Một lý do khiến biên lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm giảm là do tình hình khó khăn chung của thị trường bảo hiểm hai năm 2018 và 2019. Thị trường cạnh tranh mới mức hoa hồng tăng cao, bồi thường lớn chủ yếu do các vụ cháy nổ và các cơn bão lớn xảy ra trong kỳ.

6.3. Thị trường hoạt động**❖ Mạng lưới chi nhánh**

Hiện nay, PVIRE có 01 trụ sở chính và không có chi nhánh.

❖ Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng.

Hiện nay PVIRE đã cung cấp hầu hết các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ cho thị trường Việt Nam, các nhóm dịch vụ cụ thể như sau:

- Bảo hiểm năng lượng
- Bảo hiểm hàng không
- Bảo hiểm hàng hải
- Bảo hiểm tài sản
- Bảo hiểm kỹ thuật
- Bảo hiểm trách nhiệm
- Bảo hiểm cơ giới
- Bảo hiểm sức khỏe
- Bảo hiểm chuyên biệt
- Bảo hiểm khác

Chi tiết cơ cấu doanh thu phí nhận, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm của các nhóm dịch vụ đã được thể hiện ở phần trên. PVIRE tập trung mạnh vào một số lĩnh vực bảo hiểm như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm hàng hóa. Để bắt kịp được sự biến động của nền kinh tế nói chung và ngành bảo hiểm nói riêng, PVIRE đã và đang tiếp tục nâng cao chất lượng các nghiệp vụ bảo hiểm hiện có đồng thời đầu tư nghiên cứu và đưa ra các loại hình bảo hiểm mới, đặc biệt là đẩy mạnh các nghiệp vụ bảo hiểm còn yếu. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cùng với sự hậu thuẫn chắc chắn từ phía PVI Holdings, với uy tín và sự chuyên nghiệp trong công tác giải quyết bồi thường khi xảy ra tổn thất, PVIRE đã xây dựng được một mạng lưới khách hàng với các đối tác bảo hiểm lớn cả trong và ngoài nước.

Các khách hàng lớn của PVIRE có thể kể đến như:

- Tổng công ty Bảo hiểm PVI
- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
- Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam
- Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina
- Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh
- Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
- Tổng Công ty cổ phần cổ phần Bảo hiểm Quân đội
- Swiss Re
- Korean Re
- Hannover Re

❖ **Thị phần và khả năng cạnh tranh**

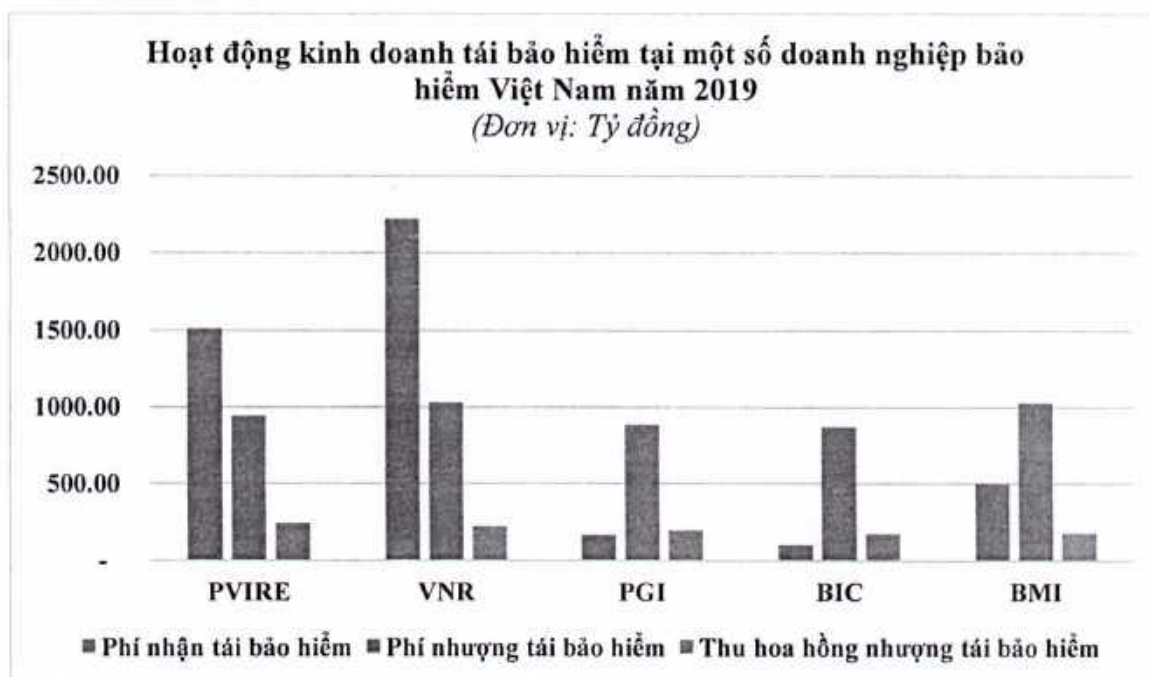
Hiện nay, thị trường bảo hiểm Việt Nam có 66 doanh nghiệp, trong đó có 30 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 18 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 16 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 1 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (theo thống kê của Bộ Tài chính tính đến hết năm 2019). Các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ hầu như đều có hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm nhưng tỷ trọng trên tổng doanh thu không lớn. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm, phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng từ nhượng tái bảo hiểm của một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2019 được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 14. Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tại một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tổng CTCP Tái bảo hiểm PVI	Tổng CTCP Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VNR)	Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex (PGI)	Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	Tổng CTCP Bảo Minh (BMI)
Phí nhận tái bảo hiểm	1.512,8	2.221,2	166,5	104,8	501,2
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	242,7	222,4	198,2	174,2	180,6
Phí nhượng tái bảo hiểm	945,8	1.030,3	885,6	871,5	1.031,6

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của các công ty



Như vậy, trên thị trường **Tái bảo hiểm**, PVIRE là một trong hai doanh nghiệp có thị phần lớn nhất, thể hiện ở chỉ tiêu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm. Trong hoạt động nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhận được từ nhượng tái bảo hiểm là lớn nhất trong các doanh nghiệp so sánh.

Về khả năng cạnh tranh, PVIRE luôn song hành cùng các khách hàng với các giải pháp, các chương trình tái bảo hiểm cố định được thiết kế cho hầu hết các nghiệp vụ bảo hiểm như: Bảo hiểm Năng lượng, Bảo hiểm Tài sản – Kỹ thuật, Bảo hiểm Hàng hải, Bảo hiểm Xe cơ giới và các nghiệp vụ Bảo hiểm chuyên biệt khác. Đồng thời, PVIRE cũng là nhà cung cấp năng lực tái bảo hiểm lớn nhất tại Việt Nam cho các loại hình hợp đồng tái bảo hiểm cố định số thành, hợp đồng mức đôi, hợp đồng bảo vệ vượt mức bồi thường. Ngoài các chương trình tái bảo hiểm truyền thống, PVIRE còn thiết kế các chương trình tái bảo hiểm phù hợp với đặc thù khai thác kinh doanh bảo hiểm của từng công ty bảo hiểm.

Về chương trình tái bảo hiểm tạm thời, bằng sự thấu hiểu sâu sắc nhu cầu thị trường trong nước và kinh nghiệm thực tiễn với thị trường quốc tế, PVIRE luôn đặt trọng tâm mang lại những giá trị khác biệt cho khách hàng của mình bằng các giải pháp được thiết kế linh hoạt từng loại sản phẩm mang tính đặc thù cao về phạm vi bảo hiểm hay mức phí theo yêu cầu. Đội ngũ chuyên gia của PVIRE chủ động tham gia tư vấn kỹ thuật, song hành cùng các khách hàng ngay từ giai đoạn chuẩn bị khai thác, đánh giá rủi ro đến khi cấp đơn bảo hiểm và hoàn thành thu xếp tái bảo hiểm. PVIRE hiện là công ty có năng lực tái bảo hiểm lớn, có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm theo phương thức tái tỷ lệ truyền thống hoặc các chương trình tái phi tỷ lệ phù hợp với năng lực tài chính của từng khách hàng.

6.4. Nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của PVIRE là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính nên không có nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động kinh doanh. Do đó yếu tố nguyên vật liệu không ảnh hưởng đến giá cả dịch vụ, doanh thu và lợi nhuận của công ty.

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 15. Cơ cấu chi phí của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỉ trọng trên DT* (%)	Giá trị	Tỉ trọng trên DT(*) (%)	Giá trị	Tỉ trọng trên DTT (%)
Chi phí Hoạt động kinh doanh bảo hiểm	502.480.586.772	71,10	613.207.223.035	74,57	366.442.105.512	75,97
Chi phí tài chính	20.145.300.660	2,85	12.418.480.948	1,51	11.051.868.557	2,29
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.297.894.525	4,15	26.314.818.743	3,20	12.541.654.222	2,60
Tổng chi phí	551.923.781.957	78,10	651.940.522.726	79,28	390.035.628.291	80,86

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

(*) Doanh thu (DT) bao gồm Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm và Doanh thu hoạt động tài chính.

Tổng chi phí của PVIRE hàng năm chiếm tỉ trọng xấp xỉ 80% trên doanh thu thuần. Trong đó, tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm chiếm tỉ trọng cao nhất. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm tổng chi bồi thường bảo hiểm, chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm và tăng các khoản trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Chi phí hoạt động tài chính năm 2019 giảm mạnh so với năm 2018 (giảm 38%) chủ yếu do giảm chi phí hoạt động hoán đổi ngoại tệ và giảm lỗ chênh lệch tỷ giá, dù năm 2019 phát sinh thêm khoản chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính (4,36 tỷ đồng).

Trong 6 tháng đầu năm 2020, chi phí tài chính lại có xu hướng tăng trở lại (xấp xỉ 89% cả năm 2019) chủ yếu do công ty ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá. Tuy nhiên trong doanh thu đầu tư tài chính, phần ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá cũng tăng cao tương ứng. Nguyên nhân là do trong 6 tháng đầu năm 2020, tỷ giá ngoại tệ có sự biến động đáng kể. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm cũng đạt mức 366,4 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ năm 2019 và xấp xỉ 60% so với cả năm 2019) chủ yếu là khoản chi hoa hồng tái bảo hiểm. Chi phí quản lý doanh nghiệp luôn duy trì tương đối ổn định.

6.6. Trình độ công nghệ

Công nghệ thông tin là một mũi nhọn được đầu tư, chú trọng phát triển tại PVIRE và được ứng dụng mạnh mẽ trong hoạt động quản lý và kinh doanh, từ đó nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa các sản phẩm dịch vụ và thực hiện tốt công tác quản trị rủi ro doanh nghiệp. Với tiêu chí tiên phong trong việc nắm bắt công nghệ mới để phát triển trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Công ty luôn chú trọng tìm kiếm các nhà cung cấp, các đối tác là các hãng lớn có trình độ công nghệ hiện đại và tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên cử đội ngũ cán bộ nhân sự tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước để kịp thời cập nhật công nghệ mới, khuyến khích tất cả các bộ nhân viên đưa ra các sáng kiến nhằm tự động hóa các công việc hàng ngày, phục vụ cho việc phát triển sản phẩm và quản trị doanh nghiệp.

Hiện tại, PVIRE đã đầu tư để mua sắm nhiều phần mềm để phục vụ cho nghiệp vụ như phần mềm kế toán và kế toán tái bảo hiểm, phần mềm nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, phần mềm quản lý thanh toán, quản lý hợp đồng, quản lý văn bản tiền lương, quản lý bồi thường tái bảo hiểm. Về giải pháp quản trị doanh nghiệp, PVIRE có phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương trên nền tảng website. Về hạ tầng cơ sở, văn phòng làm việc, trang thiết bị, công cụ,... phục vụ cho công việc luôn được Công ty đầu tư ở mức hiện đại, tiên tiến nhất nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển, tổ chức quản lý cũng như đáp ứng chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được công ty quan tâm và đầu tư cả về tài chính lẫn nhân sự để thực hiện. PVIRE tiếp tục nghiên cứu các chương trình nhận TBH các sản phẩm mới như sản phẩm hỗn hợp bảo hành bảo dưỡng sản phẩm, dịch bệnh... PVIRE cũng đề ra những giải pháp cụ thể về kinh doanh và thu xếp tái bảo hiểm như: chủ động tìm kiếm và mở rộng nguồn nhượng TBH cho các đối tác nước ngoài; đẩy mạnh công tác tìm kiếm leader cho các hợp đồng cố định riêng PVIRE Inward Facultative có uy tín; tìm kiếm, mở rộng thị trường tái FAC cho cả On-shore và Off-shore đảm bảo nguồn khách hàng dự trữ an toàn và hiệu quả, tiến tới tăng dần tỷ lệ thu xếp các dịch vụ trong và ngoài ngành.

Với thị trường trong nước, công ty chủ trương đẩy mạnh kinh doanh nhận tái bảo hiểm tạm thời và các nghiệp vụ mới có nhu cầu liên quan. PVIRE tiếp tục điều chỉnh các chính sách nhận tái bảo hiểm, phân tích rủi ro và gia tăng mức giữ lại cho từng nhóm sản phẩm, nhóm rủi ro và nhóm khách hàng.

Nhằm mục đích mang lại nhiều giá trị gia tăng hơn nữa cho các đối tượng khách hàng, PVIRE cũng tập trung nghiên cứu và đẩy mạnh việc cung cấp cho khách hàng tái bảo hiểm các hoạt động như giám định rủi ro, hoạt động đào tạo,...

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Với mục tiêu mở rộng, chiếm lĩnh và tối đa hóa hiệu quả khai thác dịch vụ tái bảo hiểm trong nước; nâng cao năng lực khai thác dịch vụ tái bảo hiểm nước ngoài; đa dạng hóa các dịch vụ tư vấn, giám định rủi ro, xây dựng PVIRE trở thành công ty tái bảo hiểm dẫn đầu thị trường trong nước và là thương hiệu uy tín trong khu vực, đem lại các dịch vụ tốt nhất cho các đối tác, khách hàng và lợi ích cao nhất cho các cổ đông, công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản trị chất lượng và kiểm soát đồng thời thường xuyên rà soát để đảm bảo không có các lỗ hổng trong quản trị hệ thống. Đồng thời, cùng với việc áp dụng công nghệ thông tin, đưa phần mềm vào quản lý nội bộ đã giúp PVIRE kiểm soát tốt các nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ kế toán và quản trị nội bộ công ty. PVIRE hiện nay đang áp dụng hệ thống kế toán quản trị và kế hoạch theo Talanx Group – một trong những doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường bảo hiểm thế giới.

6.9. Hoạt động Marketing

PVIRE thường xuyên thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm hiểu nhu cầu của các đối tượng khách hàng để hoạch định chiến lược kinh doanh và các kế hoạch tiếp thị cho các sản phẩm bảo hiểm của mình. Công ty cũng tổ chức triển khai nhiều chương trình truyền thông quảng cáo để đưa hình ảnh và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của công ty đến với khách hàng.

Các hoạt động thường xuyên liên quan đến hoạt động marketing như:

- Hoạt động marketing trực tiếp: Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm với các nghiệp vụ nhận – nhượng tái bảo hiểm, PVIRE xác định rằng đối tượng khách hàng trực tiếp là các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước nên việc thường xuyên giữ các mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tượng này luôn được công ty đặc biệt quan tâm. Năm 2018, PVIRE có cơ hội được thay mặt các công ty bảo hiểm trong nước làm việc với Hội P&I Quốc tế. Đây là cơ hội để PVIRE có thể mở rộng tệp khách hàng của mình, nhất là trong bối cảnh công ty định hướng sẽ mở rộng nguồn nhận tái bảo hiểm từ thị trường nước ngoài.
- Hoạt động truyền thông thương hiệu: Công ty đã xây dựng và phát triển kênh website để phục vụ cho mục đích truyền thông và quảng bá sản phẩm dịch vụ của mình đến với các đối tượng khách hàng. Đặc biệt, việc truyền thông thông qua các bài biết giới thiệu sản phẩm dịch vụ, bài viết hợp tác trên các báo in và báo mạng chuyên ngành cũng là một kênh hữu ích để đưa thương hiệu PVIRE đến gần hơn với khách hàng và cộng đồng.

6.10. Nhân hiệu, thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty đang đăng ký và sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của mình:



6.11. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn giữ vai trò rất quan trọng đối với một doanh nghiệp bảo hiểm. Do tính chất đặc thù của ngành bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng và theo quy định của pháp luật có liên quan, Công ty đã xây dựng những chính sách nội bộ để đảm bảo quản lý tốt các rủi ro.

❖ Quản lý rủi ro vốn

PVIRE quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của PVIRE gồm có phần Vốn chủ sở hữu (bao gồm: vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Trong năm 2018, PVIRE đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 668 tỷ lên 728 tỷ đồng qua hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016. Việc tăng vốn điều lệ thêm 60 tỷ đồng đã giúp cải thiện năng lực tài chính làm cơ sở để tăng xếp hạng quốc tế. Đến ngày 8/8/2019, tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M.Best đã nâng hạng tín nhiệm năng lực tài chính của PVIRE từ B+ lên B++ (Good) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành từ “bbb-“ lên “bbb”, triển vọng của cả hai chỉ tiêu này giữ ở mức ổn định (Stable). Xếp hạng tín nhiệm năng lực tài chính B++ cho thấy sức mạnh năng lực tài chính của PVIRE được A.M.Best đánh giá ở mức tốt, đồng thời cũng phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh được duy trì và phát triển bền vững trong suốt những năm qua.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong 1 kỳ kế toán được trích Quỹ dự trữ bắt buộc, trích các quỹ trong kỳ và chia cổ tức cho các cổ đông. Theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ. Tình hình trích quỹ dự trữ bắt buộc của công ty theo BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và Quý II/2020 như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018 (đồng)	Tại ngày 31/12/2019 (đồng)	Tại ngày 30/06/2020 (đồng)
Quỹ dự trữ bắt buộc	32.505.154.002	39.608.038.763	43.467.345.367

❖ Quản lý rủi ro tài chính

PVIRE đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Rủi ro bao gồm: rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro của các hợp đồng tái bảo hiểm là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm

bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tượng nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. PVIRE quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của PVIRE sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái do thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. PVIRE không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại các thời điểm cuối kỳ như sau:

Bảng 16. Tài sản và công nợ bằng ngoại tệ của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
I. Tài sản	324.369.953.966	274.215.257.944	302.906.464.083
Đô la Mỹ (USD)	257.137.121.263	233.297.711.082	241.086.945.264
Won Hàn Quốc (KRW)	22.450.568.240	8.221.324.570	21.740.088.344
Euro (EUR)	32.028.063.803	23.185.996.440	24.665.076.231
Rupee Ấn Độ (INR)	1.403.680.530	433.846.296	285.369.600
Khác	11.350.520.130	9.076.379.556	15.128.984.644
II. Công nợ	327.709.017.262	241.237.775.778	385.610.591.570
Đô la Mỹ (USD)	254.026.027.787	194.231.889.497	321.112.392.958
Won Hàn Quốc (KRW)	37.105.356.301	15.778.485.840	32.055.786.851
Euro (EUR)	23.523.016.971	20.168.848.639	30.804.345.275
Rupee Ấn Độ (INR)	1.517.769.996	1.812.371.057	1.638.066.486
Khác	11.536.846.207	9.246.180.745	11.913.671.284

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

Như vậy, PVIRE chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro. Ban Tổng Giám đốc sử dụng tỷ lệ thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam so với các ngoại tệ là 2% để phân tích rủi ro tỷ giá (áp dụng với số dư các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này). Từ đó, nếu tỷ giá của các đồng ngoại tệ tăng/ giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của công ty sẽ giảm/ tăng các khoản tương ứng sau đây:

Loại tiền	Năm 2018	Năm 2019
Đô la Mỹ (USD)	66.221.870	781.316.432
Won Hàn Quốc (KRW)	(293.095.761)	(151.143.225)
Euro (EUR)	170.100.937	60.342.956

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho PVIRE. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá được việc có chịu rủi ro tín dụng không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của PVIRE là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng tập trung vào đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà PVIRE tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của PVIRE là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

❖ Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

PVIRE trích lập các khoản dự phòng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ nói chung, như sau:

Dự phòng phí:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống:

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

Dự phòng bồi thường:

Đối với các tổn thất phát sinh và đã nhận được thông báo, công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, PVIRE trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận

lại tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn:

Dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong kỳ. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong kỳ hoạt động của công ty.

❖ Dự phòng nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe***Dự phòng toán học:***

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương vong tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí:

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường: Trích lập như dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng đảm bảo cân đối: Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

❖ Quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính

Đối với hoạt động đầu tư tài chính: Tương tự với các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ khác, danh mục đầu tư của PVIRE là một danh mục an toàn, với tỷ trọng tiền gửi cao, đáp ứng được nhu cầu thanh toán thường xuyên và giới hạn đầu tư theo quy định của pháp luật. Mức lợi suất đầu tư của công ty những năm vừa qua được đánh giá là khả quan và ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

6.12. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Bảng 17. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Số Hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá Hợp đồng	Thời gian thực hiện Hợp đồng
I Hợp đồng lớn đã thực hiện trong năm 2018 - 2019						
1	007/FIRE/FAC/F003434/18	Nhà máy lọc dầu Dung Quất	25/05/2018	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất	2.715.800 USD	26/05/2018-26/05/2019
2	007/FIRE/FAC/F000127/18	Nhà máy Đạm Cà Mau	23/04/2018	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	1.477.465 USD	24/04/2018-23/04/2019
3	007/FIRE/FAC/F003670/18	Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng	28/09/2018	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng	683.600 USD	30/09/2018-30/09/2019
II Hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện trong năm 2019 – 2020						
1	032/MISC/QTS/T000002/19	PTI	07/05/2019	Chương trình tái bảo hiểm bảo an tín dụng	49 tỷ VNĐ	01/01/2019-31/12/2019
2	007/FIRE/FAC/F003691/19	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	31/10/2019	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Phú Mỹ	10,2 tỷ VNĐ	01/11/2019-31/10/2020
3	007/FIRE/FAC/F003676/19	Nhà máy Đạm Cà Mau	24/04/2019	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	23,2 tỷ VNĐ	24/04/2019-23/04/2020

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Bảng 18. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty

TT	Tên dự án phát triển kinh doanh	Hình thức tham gia	Giá trị	Tiến độ triển khai dự án
1	Dự án Nâng cấp hạ tầng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý cấp đơn và đánh giá rủi ro	Đầu tư trực tiếp	2 tỷ VNĐ	Đang đặt đầu bài thầu

TT	Tên dự án phát triển kinh doanh	Hình thức tham gia	Giá trị	Tiến độ triển khai dự án
2	Dự án xây dựng hợp đồng cố định số thành mức đôi để tăng cường năng lực khai thác tái bảo hiểm	Tham gia góp vốn	5 triệu USD	Đang lên phương án và chuẩn bị làm việc với các nhà tái bảo hiểm quốc tế

Nguồn: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 – quý 2/2020.

Bảng 19. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018, 2019 và 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	6 tháng đầu năm 2020
Tổng giá trị tài sản	3.796.361.223.343	4.489.688.003.178	18,26%	4.498.940.650.066
Vốn chủ sở hữu (VCSH)	842.054.146.208	860.256.720.686	2,16%	869.635.936.675
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	587.953.626.855	687.268.093.046	16,89%	424.255.586.848
Doanh thu hoạt động tài chính	118.817.307.925	135.108.542.063	13,71%	58.117.400.800
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	154.847.152.823	170.436.112.383	10,07%	92.337.359.357
Lợi nhuận khác	1.582.192	45.912.000	2801,80%	0
Lợi nhuận trước thuế	154.848.735.015	170.482.024.383	10,10%	92.337.359.357
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	126.080.538.356	140.646.455.484	11,55%	73.641.114.752
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân (ROE)	15,68%	16,52%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	80,84%	82,82%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Năm 2019, PVIRe đã hoàn thành kế hoạch với lợi nhuận trước thuế đạt 170,48 tỷ đồng, tăng 10,1% so với năm 2018 và đạt 105% so với kế hoạch – đây là mức lợi nhuận cao nhất Công ty đạt được

kể từ khi thành lập. Cả lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Trong năm 2019, công ty tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nhượng tái bảo hiểm hiện hành, không tái tục đối với các dịch vụ không hiệu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cao, cần trọng hơn trong nhận tái bảo hiểm nước ngoài, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước. Tỷ trọng khai thác các nguồn đang đi đúng các định hướng đã đặt ra trong năm 2019.

Về phí nhận tái bảo hiểm, đối với nguồn nhận từ Tổng công ty Bảo hiểm PVI, PVIRE tiếp tục tập trung tối đa hóa hiệu quả thu xếp, phí nhận tái bảo hiểm đạt 971 tỷ, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2018 (năm 2018 là 780,4 tỷ đồng). Đối với nguồn nhận từ trong nước, ngay từ đầu năm 2019, PVIRE đã tập trung đẩy mạnh nhận tái bảo hiểm từ thị trường trong nước đúng như định hướng Ban Lãnh đạo đã đề ra. Kết quả năm 2019, phí nhận thực tế từ nguồn trong nước phát sinh đạt 389,4 tỷ, tăng trưởng hơn 37,8% so với cùng kỳ (năm 2018 là 282,5 tỷ đồng), từ đó làm tăng tỷ trọng doanh thu phí nhận khai thác nội địa tăng từ 23% lên 26%. Với nguồn nhận từ nước ngoài, PVIRE đã tiếp tục điều chỉnh chính sách khai thác theo hướng thận trọng, doanh thu phí nhận giảm 1% so với cùng kỳ năm trước.

Về bồi thường, tổng số bồi thường đã phát sinh và dự phòng bồi thường bổ sung trong năm 2019 là 212 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2018.

Về hoạt động đầu tư tài chính, doanh thu, lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính năm 2019 đạt 135,2 tỷ đồng và 122,69 tỷ đồng, tương đương tăng 13,71% và 24,34% so với năm 2018 do các khoản lãi tiền gửi, trái phiếu và cổ tức, lợi nhuận nhận được từ việc đầu tư vào các quỹ POF, PIF trong danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, công ty đã tích cực thu hồi công nợ nhanh chóng, tối đa hóa hiệu quả dòng tiền của công ty, đồng thời cân đối nhu cầu sử dụng ngoại tệ, thực hiện chuyển đổi ngoại tệ để thực hiện đầu tư có hiệu quả hơn.

Với kết quả kinh doanh và lợi nhuận trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong đó mức cổ tức chi trả năm 2019 là 16% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019 so với kế hoạch

Bảng 20. Kết quả thực hiện năm 2019 so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện/Kế hoạch năm 2019 (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.030,5	4.489,7	111,39%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	866,4	860,33	99,30%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.649,6	1.771,6	107,4%
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Tỷ đồng	627	687,3	109,62%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	124	135,1	108,95%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	162,3	170,5	105,05%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	129,9	140,6	108,24%

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Tài bảo hiểm PVI

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019

Bảng 21. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	% tăng giảm
Tổng doanh thu	1.104.168.603.268	1.010.349.429.112	(8,50)
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	370.727.679.373	424.255.586.848	14,44
Doanh thu hoạt động tài chính	76.626.731.486	58.117.400.800	(24,16)
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	315.268.527.363	366.442.105.512	16,23
Chi phí hoạt động tài chính	6.301.673.974	11.051.868.557	75,38
Lợi nhuận trước thuế	111.842.562.638	92.337.359.357	(17,44)
Lợi nhuận sau thuế	92.468.522.423	73.641.114.752	(20,36)

Nguồn: BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Trong 6 tháng đầu năm 2020, dịch Covid 19 đã ảnh hưởng toàn bộ nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm và hoạt động tái bảo hiểm nói riêng. Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm đạt 1.010,3 tỷ đồng, giảm 8,5% so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu là do doanh thu hoạt động tài chính giảm 24,16%. Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này giảm là do 6 tháng đầu năm 2019, công ty đã nhận được hơn 31 tỷ lợi nhuận từ 2 quỹ POF, PIF. Phần lợi nhuận từ 2 quỹ này năm 2020 kế hoạch được nhận vào cuối năm. Chi phí hoạt động tài chính cũng ghi nhận tăng do lỗ chênh lệch tỷ giá tăng từ 3,5 tỷ đồng kỳ 6 tháng đầu năm 2019 lên 8,5 tỷ đồng cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên trong doanh thu đầu tư tài chính, phần ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá cũng tăng cao tương ứng. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm kỳ này tăng 14,44% so với kỳ trước thể hiện doanh thu kinh doanh lĩnh vực bảo hiểm 6 tháng đầu năm vẫn duy trì đà tăng tương đối ổn định.

Tuy nhiên, đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm, PVIRE cho rằng lĩnh vực này chưa chịu tác động mạnh trực tiếp và vẫn có độ trễ nhất định. Trong bối cảnh dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, với nền tảng là chính sách kinh doanh đa dạng, linh hoạt, PVIRE vẫn đạt được kết quả kinh doanh tương đối khả quan. Mô hình hoạt động của PVIRE đã chứng tỏ hiệu quả khi ngày 21/08/2020 tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M.Best đã công bố duy trì xếp hạng năng lực tài chính của PVIRE ở mức B++ (Good) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành là "bbb", triển vọng của cả hai chỉ tiêu này giữ ở mức ổn định (Stable). Xếp hạng tín nhiệm năng lực tài chính B++ cho thấy sức mạnh năng lực tài chính của PVIRE được A.M.Best đánh giá ở mức tốt, đồng thời cũng phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh được duy trì và phát triển bền vững trong suốt những năm qua.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Các thành tựu nổi bật trong giai đoạn 2018 - 2019 của công ty có thể kể đến như:

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2019 với lợi nhuận trước thuế đạt 170,5 tỷ đồng, tăng 10,1% so với năm 2018 và bằng 105% so với kế hoạch đặt ra. Mức lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập, bao gồm cả Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm và đầu tư tài chính.
- Hoạt động đầu tư đạt kết quả đột biến, lợi nhuận đầu tư tài chính tăng trưởng hơn 24,3% so với năm 2018. Cơ cấu lợi nhuận dịch chuyển theo đúng định hướng của nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp kể từ năm 2018.
- Công tác nhận tái bảo hiểm trong nước có nhiều khởi sắc: Doanh thu tăng trưởng 37,8%, phí giữ lại nguồn trong nước tăng 52% so với cùng kỳ năm 2018.
- Sản phẩm khai thác đa dạng hóa. Ngoài các sản phẩm truyền thống như tài sản, kỹ thuật, hàng hóa, xe cơ giới, trong năm 2018 và 2019 công ty còn khai thác thêm nhiều loại sản phẩm mới đa dạng.

- Năm 2018 cũng là năm đầu tiên PVIRE thay mặt các công ty bảo hiểm trong nước làm việc với Hội P&I Quốc tế. Phòng Kinh doanh phía nam hoạt động theo đúng định hướng với mức phí khai thác từ thị trường này đạt mức tăng trưởng gấp 1,7 lần so với năm trước.
- Hoàn thành mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác quản trị: thực hiện tái cấu trúc các phòng khối, mô hình tổ chức công ty hoàn thiện, hệ thống kế toán quản trị có nhiều cải tiến. Công nghệ thông tin được áp dụng triệt để để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, giảm thiểu khối lượng công việc và tăng năng suất lao động.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, để đạt được những thành tựu trên, Công ty chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động, bao gồm cả yếu tố thuận lợi và khó khăn.

❖ **Thuận lợi**

- PVIRE nhận được sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao từ Công ty mẹ - PVI Holdings. Với lợi thế về vốn, công nghệ thương hiệu, kinh nghiệm quản lý, PVI Holdings đã tạo cho PVIRE một nền tảng sức mạnh lớn trong việc xây dựng hệ thống, định hướng chiến lược, quản trị điều hành, đào tạo cán bộ và tạo dựng lợi thế cạnh tranh.
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI thuộc cùng Công ty mẹ - PVI Holdings, vì vậy doanh thu nhận tái bảo hiểm từ Bảo hiểm PVI chiếm khoảng 60% phí nhận của PVIRE. Trong những năm gần đây, khi Bảo hiểm PVI đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngoài ngành dầu khí, PVIRE sẽ có cơ hội mở rộng thị trường, đẩy mạnh các dịch vụ và tăng trưởng mạnh mẽ.
- PVIRE cũng có khả năng mở rộng tệp khách hàng của mình bằng cách phát triển những loại bảo hiểm mới như bảo hiểm bảo hành – một trong những lĩnh vực còn nhiều dư địa để phát triển.
- Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đã bắt đầu quan tâm hơn đến hiệu quả khai thác bảo hiểm, dẫn đến giảm tỷ lệ bồi thường các dịch vụ tái bảo hiểm, giúp cho PVIRE đảm bảo an toàn cao trong lĩnh vực kinh doanh.
- Tập thể lãnh đạo và nhân viên đoàn kết, quyết tâm. Mô hình hoạt động, quy chế tổ chức đã tương đối hoàn chỉnh sau 08 năm đi vào hoạt động

❖ **Khó khăn**

- Công tác tăng vốn chưa thực hiện được như kỳ vọng. Bên cạnh đó, công tác thu đòi công nợ được triển khai quyết liệt nhưng vẫn còn nhiều tồn đọng do tập quán của thị trường tái bảo hiểm.
- PVIRE hiện nay có 38 cán bộ nhân viên. Đây là con số khá khiêm tốn, trong khi Công ty chưa tuyển được thêm các cán bộ nhân viên chuyên môn cao để mở rộng thị trường.
- Mặc dù có ưu thế trên thị trường nhờ tổng lượng phí tái lớn, nhưng PVIRE nói riêng và ngành bảo hiểm trong nước nói chung vẫn bị thị trường quốc tế khá dè dặt do mức phí và

mức khấu trừ cạnh tranh, các dịch vụ rủi ro cao ... nên dẫn đến việc khó tìm kênh tái với mức hoa hồng nhận cao và khó để tối ưu hóa khả năng khai thác trên thị trường quốc tế.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Về quy mô thị trường: Đến hết năm 2019, toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ có 02 doanh nghiệp chuyên biệt hoạt động tái bảo hiểm.

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI là một trong hai doanh nghiệp tái bảo hiểm của Việt Nam hiện nay. Với các nghiệp vụ của mình, PVIRE luôn chứng minh khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường vẫn còn nhiều dư địa phát triển tại Việt Nam. Đặc biệt, PVIRE còn là nhà tái bảo hiểm duy nhất tại Việt Nam có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm nhanh chóng và linh hoạt cho các chương trình bảo hiểm đối với các hoạt động dầu khí trên bờ và ngoài khơi.

Bảng 22. So sánh PVIRE với doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	TCT cổ phần Tái bảo hiểm PVI	TCT cổ phần Tái bảo hiểm Việt Nam (VINARE)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.490	6.994
VCSH	Tỷ đồng	860,3	3.107
Doanh thu	Tỷ đồng	822,4	1557,6
- Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Tỷ đồng	687,3	1.236,5
- Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	135,1	321,1
LNST	Tỷ đồng	140,6	286,6
ROA	%	3,39	4,20
ROE	%	16,52	9,57

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của PVIRE, BCTC hợp nhất năm 2019 kiểm toán của VINARE)

So sánh với doanh nghiệp cùng hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm tại Việt Nam hiện nay, PVIRE là doanh nghiệp có tuổi đời còn non trẻ hơn (VINARE thành lập từ năm 1994, PVIRE thành lập từ năm 2011) đồng thời quy mô tài sản và vốn cũng nhỏ hơn. Tuy nhiên, với sức bật tốt, tổng doanh thu thuần của PVIRE năm 2018 đạt 822,4 tỷ đồng, trong đó doanh thu thuần từ hoạt động tái bảo hiểm là 687,3 tỷ (khoảng 55.5% so với VINARE). So sánh về chỉ số về lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) trong năm 2019, PVIRE đang có những chỉ số khá quan hơn. Trong khi VINARE có ROE là 9,41%, PVIRE là 16,81%. Với định hướng rõ ràng của Ban quản trị Công ty, những con số trên sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian sắp tới.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong năm 2019 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao; cơ chế chính sách trong lĩnh vực bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện, các doanh nghiệp bảo hiểm cơ bản đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng và phát triển hiệu quả. Theo đó, tổng

tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2019 đạt 454,379 nghìn tỷ đồng, tăng 15,03% so với năm 2018. Trong đó, tổng tài sản các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 89,447 nghìn tỷ đồng, bảo hiểm nhân thọ ước đạt 364,932 nghìn tỷ đồng.

Các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 376,555 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4% so với năm 2018. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm ước đạt 285,965 nghìn tỷ đồng, tăng 18,58%; tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 89,345 nghìn tỷ đồng tăng 9,34% so với năm 2018. Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước tăng 20,54%, tổng giá trị tài sản tăng 15,1% so với năm 2018.

Giai đoạn 2019 - 2020, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Bộ tài chính là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Ngành bảo hiểm dự kiến tăng trưởng ở mức 20%, tăng cường tính an toàn, bền vững, hiệu quả của thị trường và khả năng đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân.

Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển, ngành bảo hiểm Việt Nam hiện đang dịch chuyển từ bán buôn (cung cấp bảo hiểm cho các công ty) sang bán lẻ (cho cá nhân) do nhu cầu về các sản phẩm bảo hiểm của người dân ngày một lớn. Để đáp ứng nhu cầu này đòi hỏi các công ty bảo hiểm phải nghiên cứu và cho ra đời nhiều sản phẩm mới, đa dạng, được thiết kế linh hoạt và tập trung khai thác phân khúc khách hàng cá nhân được hiệu quả. Bên cạnh đó, với sự phát triển của công nghệ thông tin đặc biệt là sự bùng nổ của mạng xã hội, các kênh bán bảo hiểm cũng được đa dạng hóa. Ngoài việc phát triển mạng lưới thông qua việc thành lập các chi nhánh, văn phòng, qua kênh ngân hàng, hiệp hội thì các hình thức bán trực tuyến, mạng xã hội, ... cũng đang được phát triển.

Kế hoạch thoái vốn của Chính phủ với các doanh nghiệp ngành bảo hiểm dự kiến sẽ được tiếp tục tăng tốc vào giai đoạn cuối năm 2019, đầu năm 2020, tạo điều kiện cho việc mua bán sáp nhập doanh nghiệp đang ngày một gia tăng giữa các công ty bảo hiểm trong nước và các đối tác nước ngoài, từ đó nâng cao chuyên môn bảo hiểm và trình độ quản lý.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo Nghị định 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có sơ sở nguy hiểm về cháy nổ phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại các doanh nghiệp bảo hiểm. Điều này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm cải thiện phí bảo hiểm mảng bán buôn và mảng tái bảo hiểm.

Quý 1 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”. Mục tiêu chung của Đề án đối với thị trường bảo hiểm là phát triển thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả, đáp ứng

như cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân nhằm đảm bảo an sinh, xã hội, tăng năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, có khả năng cạnh tranh với thị trường quốc tế.

Đối với Đề án này của Chính phủ, PVIRE đã tìm kiếm những giải pháp mới, không chỉ về kinh doanh mà còn về quản trị, nhân sự, công nghệ để đảm bảo khả năng phục vụ. Công ty luôn phân tích, chọn lọc kỹ lưỡng các dự án bảo hiểm, tránh kí kết tràn lan để đảm bảo tính an toàn cho hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, PVIRE luôn tìm kiếm những sản phẩm tái bảo hiểm mới, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng lao động, khẳng định vị thế của ngành Bảo hiểm nói chung và Công ty nói riêng trên thị trường Quốc tế.

Với tầm nhìn xa trong hoạt động kinh doanh cũng như quản trị, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của toàn thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Số lượng lao động tại PVIRE tại thời điểm ngày 30/06/2020 là 42 người, cụ thể như sau:

Bảng 23. Cơ cấu lao động của Công ty

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Trình độ Đại học và trên Đại học	42	100
Trình độ cao đẳng, trung cấp	0	0
Trình độ sơ cấp/ công nhân kỹ thuật	0	0
Công nhân phổ thông và lao động khác	0	0
Tổng cộng	42	100

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

9.2. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

❖ Chính sách lương:

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của Bộ Luật lao động và Quy chế lương của Công ty. Việc chi trả tiền lương cho CB-NLĐ trong Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo cấp bậc, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng suất, hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao tay nghề, tiền lương gắn với hiệu quả kinh doanh.

❖ Chế độ phúc lợi xã hội:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và các chế độ khác có liên quan đến người lao động theo quy định bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc, khám bệnh định kỳ.

❖ Công tác đào tạo:

Công tác đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực cũng là một phần quan trọng trong định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp. Ban lãnh đạo PVIRE đặt mục tiêu trên 60% nhân sự tham gia các khóa huấn luyện và đào tạo bình quân 5 – 10 ngày đào tạo/năm để đảm bảo mỗi CB-NLĐ đều nắm vững nghiệp vụ, triển khai thực hiện chuyên nghiệp.

❖ Chính sách khác:

Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động như: thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ, thăm hỏi ốm đau, ma chay, cưới xin, ... Hàng năm, Công ty duy trì tổ chức các hoạt động kỷ niệm: Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6,...

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm tiếp theo.

Nguồn để trả cổ tức là lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ và bù đắp hết lỗ trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét đến kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng 24. Tỷ lệ chi trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp thường niên	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả (đã được ĐHĐCĐ phê duyệt)	Hình thức
2017	16%	16%	Bằng tiền
2018	14%	16%*	Bằng tiền
2019	16%	Tạm ứng cổ tức lần 1**: 9% Tạm ứng cổ tức lần 2***: 5% Chi trả cổ tức lần 3****: 2%	Bằng tiền

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Ghi chú:

(*) Tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018 là 14%. HĐQT dự kiến tạm ứng 9% trước khi tăng vốn điều lệ vào quý III/2018 lên 983 tỷ đồng.

Công ty hoàn thành đợt tăng vốn từ 668 tỷ đồng lên 728 tỷ đồng ngày 21/09/2018. Thực tế công ty đã chi trả cổ tức là 9% trên vốn điều lệ 668 tỷ, và 7% trên vốn điều lệ là 728 tỷ. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 đã được công ty trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019.

(**) Tạm ứng cổ tức lần thứ nhất năm 2019 với tỷ lệ 9% theo Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-PVIRE ngày 19 tháng 08 năm 2019, đã thanh toán ngày 24/09/2019;

(***) Tạm ứng cổ tức lần thứ hai năm 2019 với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-PVIRE ngày 19 tháng 12 năm 2019, đã thanh toán ngày 08/01/2020.

(****) Chi trả cổ tức lần thứ ba năm 2019 với tỷ lệ 2% (lần cuối) theo Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-PVIRE ngày 21 tháng 04 năm 2020, đã thanh toán ngày 18/05/2020.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Tài sản tái bảo hiểm**

Tài sản tái bảo hiểm của PVIRE bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm, cụ thể như sau:

Bảng 25. Tình hình tài sản tái bảo hiểm của công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	443.706.014.556	440.249.447.078	438.641.731.607
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.233.450.612.938	1.650.062.685.025	1.558.648.383.687

Tài sản tái bảo hiểm	1.677.156.627.494	2.090.312.132.103	1.997.290.115.294
-----------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

❖ Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty đã được trình bày chi tiết tại phần Hoạt động kinh doanh của Công ty (mục b, phần 6.1.).

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại hình tài sản cố định	Thời gian (năm)
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

❖ Mức lương bình quân

Mức thu nhập của người lao động bình quân của Công ty bình quân tính năm 2018 là 36,02 triệu đồng/nhân viên/tháng, năm 2019 là 38,26 triệu đồng/nhân viên/tháng. Với mức lương hiện tại, cùng với các chế độ đãi ngộ khác, Công ty tự tin thu hút được nguồn lao động chất lượng đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

PVIRe luôn thanh toán các khoản nợ đúng hạn khi các hồ sơ, chứng từ đáp ứng đúng theo yêu cầu của hợp đồng. PVIRe đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ để phục vụ hoạt động theo dõi và quản lý công nợ. Đối với một hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm, chính sách kế toán ghi nhận của PVIRe đối với từng loại nợ phải trả tái bảo hiểm trên Báo cáo tài chính như sau:

Phải trả phí nhượng: Ghi nhận đồng thời với Phí nhận TBH. PVIRe ghi nhận phí nhận TBH khi có bản xác nhận thanh toán TBH (SOA) từ công ty nhượng tái. Các khoản phải trả phí nhượng TBH có thời hạn rõ ràng trên hợp đồng thì sẽ được tính tuổi nợ theo thời hạn này. Đối với khoản này PVIRe luôn phải trả đúng hạn để đảm bảo PVIRe ko phải chịu trách nhiệm khi có tổn thất xảy ra.

Phải trả bồi thường: Trên cơ sở chứng từ thu đòi bồi thường nhận TBH của các nhà tái bảo hiểm gửi cho PVIRe và PVIRe chấp nhận bồi thường dựa vào hồ sơ bồi thường được khách hàng gửi đến (Hồ sơ đàm

bảo đầy đủ, hợp lý, hợp lệ theo quy định của công ty), điều kiện điều khoản của hợp đồng nhận TBH (bồi thường có thuộc trách nhiệm hợp đồng hay không), PVIRe sẽ tiến hành các thủ tục phê duyệt nội bộ và hạch toán kế toán theo quy định.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng hàng hóa/dịch vụ, thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và các loại thuế khác phải nộp theo quy định của Nhà nước.

Bảng 26. Các khoản thuế phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Đồng

Các khoản phải nộp	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	56.063.408	20.157.569	63.404.822
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.667.003.081	5.158.780.352	9.022.036.926
Thuế Thu nhập cá nhân	783.829.218	1.792.753.259	448.587.697
Thuế nhà thầu	140.612.510	118.134.851	160.956.176
Tổng cộng	9.647.508.217	7.089.826.031	9.694.985.621

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Số dư các quỹ đến các thời điểm được thể hiện trong bản dưới đây:

Bảng 27. Số dư các quỹ của Công ty

Các quỹ của doanh nghiệp	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
Quỹ dự trữ bắt buộc	32.505.154.002	39.608.038.763	43.467.345.367
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.336.178.518	5.621.337.080	7.692.870.086
Tổng cộng	37.841.332.520	45.229.375.843	51.160.215.453

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

❖ **Tổng dư nợ vay**

Công ty không có dư nợ các khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Thời điểm ghi nhận các khoản phải thu, phải trả TBH là cùng thời điểm ghi nhận doanh thu nhận TBH hoặc chi trả bồi thường TBH. Thời điểm ghi nhận doanh thu nhận TBH là khi bản thanh toán TBH được xác nhận giữa PVIRE và khách hàng. Thời điểm ghi nhận chi trả bồi thường nhận TBH là khi khoản bồi thường được phê duyệt theo đúng thẩm quyền.

Thời điểm thanh toán là thời điểm PVIRE hoàn tất các thủ tục chuyển tiền qua ngân hàng theo quy trình thanh toán trên cơ sở PVIRE và khách hàng đã xác nhận việc thanh toán từng khoản riêng lẻ hoặc xác nhận việc thanh toán số tiền đối trừ.

Các khoản phải thu của PVIRE như sau:

Bảng 28. Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	441.530.305.412	589.356.922.010	589.448.664.543
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	445.935.445.573	593.211.761.902	593.678.979.929
- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	424.257.794.053	558.436.630.845	532.183.415.021
- Phải thu của khách hàng khác	21.677.651.520	34.775.131.057	61.495.564.908
2. Phải thu ngắn hạn khác	1.605.653.650	2.915.171.207	1.527.051.694
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.010.793.811)	(6.770.011.099)	(5.757.367.080)

II. Các khoản phải thu dài hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
1. Ký quỹ bảo hiểm	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Tổng các khoản phải thu	449.530.305.412	597.356.922.010	597.448.664.543

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm Phải thu về các hợp đồng bảo hiểm (từ hoạt động nhận và nhượng tái bảo hiểm) và khoản lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính. Chi tiết các khoản Phải thu khách hàng:

Bảng 29. Các khoản phải thu khách hàng của PVIRe

Đơn vị: Đồng

Khách hàng	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
Tổng công ty bảo hiểm PVI	263.113.522.818	190.790.441.090
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	29.800.289.970	63.072.405.275
Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam - VINARE	21.070.991.437	29.945.307.352
Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh	18.226.521.895	20.003.816.650
Guy Carpenter	16.554.653.905	17.293.686.375
Các đối tượng khác	221.203.010.995	272.573.323.187
Tổng cộng	593.211.761.902	593.678.979.929

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Đối với nợ xấu, PVIRe trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, cụ thể các khoản tính đến thời điểm 30/06/2020 như sau:

Bảng 30. Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Đơn vị: Đồng

TT	Khách hàng	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 30/06/2020	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	8.111.552.382	3.457.137.115	9.477.212.794	5.363.622.409
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	774.374.024	334.751.971	792.050.579	374.452.026
3	Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp (UIC VN)	-	-	968.169.548	795.597.708

4	Phải thu các đối tượng khác	3.304.370.066	1.628.396.287	1.819.558.582	765.952.281
	Tổng cộng	12.190.296.472	5.420.285.373	13.056.991.503	7.299.624.423

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

Các khoản phải trả của PVIRE như sau:

Bảng 31. Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
I. Các khoản phải trả ngắn hạn	658.433.384.644	714.203.471.824	779.932.647.697
1. Phải trả cho người bán	542.177.960.346	595.216.052.044	661.208.734.158
- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	469.620.530.558	540.886.842.175	611.814.506.580
- Phải trả khác cho người bán	72.557.429.788	54.329.209.869	49.394.227.578
2. Phải trả người lao động	1.765.460.987	1.059.293.080	5.087.773.202
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	114.489.963.311	117.928.126.700	113.636.140.337
II. Các khoản phải trả dài hạn	0	0	0
Tổng các khoản phải trả	658.433.384.644	714.203.471.824	779.932.647.697

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

Các khoản phải trả cho người bán ngắn hạn bao gồm các khoản phải trả phí nhượng tái bảo hiểm, phải trả bồi thường tái bảo hiểm và các khoản phải trả khác. Do đặc thù ngành tái bảo hiểm, công nợ thanh toán theo đối trừ, phải thu sẽ có sự tương ứng với phải trả, thu được đầu nhận thì mới phát sinh trả đầu nhượng.

Đối với các khoản phải trả bồi thường: trên cơ sở chứng từ thu đòi bồi thường nhận TBH của các nhà tái bảo hiểm gửi cho PVIRE và PVIRE chấp nhận bồi thường dựa vào hồ sơ bồi thường được khách hàng gửi đến (Hồ sơ đảm bảo đầy đủ, hợp lý, hợp lệ theo quy định của công ty), điều kiện điều khoản của hợp đồng nhận TBH (bồi thường có thuộc trách nhiệm hợp đồng hay không), PVIRE sẽ tiến hành các thủ tục phê duyệt nội bộ và hạch toán kế toán theo quy định.

Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác là các khoản Doanh thu hoa hồng nhượng TBH chưa thực hiện tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí.

❖ Dự phòng nghiệp vụ:

Công ty trích lập dự phòng cho các khoản phải trả ngắn hạn và dự phòng các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, cụ thể như trong bảng dưới đây:

Bảng 32. Các khoản dự phòng của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
1. Dự phòng phải trả ngắn hạn	260.000.000	-	-
2. Dự phòng nghiệp vụ	2.280.630.005.756	2.902.516.647.557	2.830.134.609.987
- <i>Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm (chưa được hưởng)</i>	<i>603.483.597.880</i>	<i>734.435.883.240</i>	<i>708.246.391.181</i>
- <i>Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm</i>	<i>1.603.767.998.545</i>	<i>2.077.690.153.098</i>	<i>2.024.093.483.128</i>
- <i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>73.378.409.331</i>	<i>90.390.611.219</i>	<i>97.794.735.678</i>
Tổng cộng	2.280.890.005.756	2.902.516.647.557	2.830.134.609.987

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo.

Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm được sử dụng để bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

Dự phòng dao động lớn được sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp.

Việc dự phòng được tính toán tại thời điểm lập báo cáo. Chênh lệch dự phòng nghiệp vụ tại các thời điểm chính là số trích lập bổ sung hay số được hoàn nhập và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo.

Riêng dự phòng dao động lớn được sử dụng theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Cụ thể: Nghiệp vụ bảo hiểm được coi là có dao động lớn về tổn thất khi tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp, chi nhánh đối với nghiệp vụ bảo hiểm đó.

❖ Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn, cụ thể được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 33. Chi phí trả trước của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 30/06/2020
I. Chi phí trả trước ngắn hạn	138.588.228.719	190.865.285.078	181.917.952.463
1. Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	138.275.799.144	190.389.421.394	180.725.843.001
2. Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	61.341.818	137.530.632	110.700.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	251.087.757	338.333.052	1.081.409.462
II. Chi phí trả trước dài hạn	18.904.429.236	22.813.461.510	22.457.295.103
1. Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ tòa nhà	17.317.058.970	21.452.364.631	21.133.096.654
2. Chi phí trả trước dài hạn khác	1.587.370.266	1.361.096.879	1.324.198.449
Tổng cộng	157.492.657.955	213.678.746.588	204.375.247.566

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 34. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,14	0,99
Hệ số thanh nhanh	Lần	1,14	1,14	0,99
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	78,20	77,82	80,84
Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	358,76	350,85	421,90
3. Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản				
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	10,65	11,64	20,16
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	89,35	88,36	79,84
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	19,45	21,44	20,46
Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,36	3,45	3,39
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	15,19	15,68	16,52
Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	25,22	26,34	24,80
Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	1.696	1.842	1.850

(Nguồn: Số liệu tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2017, 2018, 2019)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên HĐQT

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Trương Minh Đức	Thành viên độc lập HĐQT
Nguyễn Anh Vũ	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng ban kiểm toán nội bộ
Alexander- Nicolai Neumann	Thành viên HĐQT
Lâm Nhật Sơn	Thành viên HĐQT

b. Sơ yếu lý lịch

❖ NGUYỄN ANH TUẤN – CHỦ TỊCH HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày sinh	09/09/1960
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMND/ Hộ chiếu	010961912
Ngày cấp/ Nơi cấp	15/08/2006 tại Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 36A phố Lý Nam Đế, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:	
Từ 09/1978 - 01/1990	Thượng úy P8/A13 Bộ nội vụ
Từ 02/1990 - 02/1991	Chuyên viên Công ty Dầu khí
Từ 03/1991 - 03/1993	Chuyên viên Công ty ASC (American Service Company)
Từ 01/1996 - 03/1997	Chuyên viên CERA (Cambridge Energy Research Associate) của Mỹ
Từ 04/1997 - 01/1998	Phụ trách Phòng Kế hoạch đầu tư Công ty Bảo hiểm Dầu khí

Từ 02/1998 - 10/2006	Phó giám đốc Công ty BH Dầu khí
Từ 11/2006 - 02/2007	Tổng giám đốc Công ty BH Dầu khí
Từ 03/2007 - 03/2009	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCT Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2009 - 07/2011	Chủ tịch HĐQT TCT Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
Từ 07/2011 - 10/2014	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần PVI
Từ 10/2014 - 08/2017	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần PVI kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên Bảo hiểm PVI
Từ 08/2017 - 03/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần PVI
Từ 03/2019 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PVI
Từ 05/2018 - 03/2019	Thành viên HĐQT TCT Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Từ 03/2019 – nay	Chủ tịch HĐQT TCT Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT TCT Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PVI
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	22.466.080 cổ phần chiếm 30,86% vốn điều lệ Đại diện vốn của Công ty Cổ phần PVI
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Công ty cổ phần PVI (ông Nguyễn Anh Tuấn là thành viên HĐQT) – Số cổ phần: 53.226.825 cổ phần chiếm 73,11% vốn điều lệ
	Ông Nguyễn Phúc Anh (Con đẻ) - Số cổ phần: 7.192.814 chiếm 9,88% vốn điều lệ
	Bà Chu Minh Châu (Vợ) - Số cổ phần: 3.580.000 chiếm 4,92% vốn điều lệ
	Bà Nguyễn Hà Thu (Con đẻ) - Số cổ phần: 3.596.407 chiếm 4,94% vốn điều lệ

❖ **TRỊNH ANH TUẤN – THÀNH VIÊN HĐQT**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/02/1981
Nơi sinh	Phú Thọ
Số CMND/ Hộ chiếu	012043394
Ngày cấp/ Nơi cấp	29/07/2010 tại Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	25 Ngõ 176 Lê Trọng Tấn, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm
Quá trình công tác:	
Từ 08/2002 – 9/2006	Chuyên viên phòng Tái bảo hiểm, TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 09/2006 - 04/2007	Trưởng nhóm nhận Tái bảo hiểm TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 04/2007 - 08/2007	Phó giám đốc PVI Nam sông Hồng - TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 08/2007 - 07/2008	Phó giám đốc Ban Tổng hợp pháp chế TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 07/2008 - 05/2009	Phó giám đốc Ban Bảo hiểm kỹ thuật TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 05/2009 - 12/2009	Phó giám đốc Ban Kinh doanh bảo hiểm phía Nam TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 01/2010 – 05/2010	Giám đốc Ban Bảo hiểm kỹ thuật TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN

Từ 06/2010 – 07/2011	Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 07/2011 – 11/2012	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc TCT Tái bảo hiểm PVI
Từ 11/2012 – 03/2013	Phó Tổng giám đốc TCT Bảo hiểm PVI; Thành viên hội đồng thành viên TCT Tái bảo hiểm PVI
Từ 10/2013 - 8/2016	Phó Tổng giám đốc TCT Bảo hiểm PVI
Từ 8/2016 – 1/2019	Tổng giám đốc TCT Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Từ 1/2019 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	86.982 cổ phần chiếm 0,12% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	14.016.745 cổ phần chiếm 19,25% vốn điều lệ Đại diện vốn của Công ty cổ phần PVI
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Công ty cổ phần PVI (ông Trịnh Anh Tuấn là Người đại diện của PVI tại PVIRe) – Số cổ phần: 53.226.825 cổ phần chiếm 73,11% vốn điều lệ
	Trịnh Lan Phương (Chị gái): 1.000 cổ phần (0,001% Vốn điều lệ)
	Nguyễn Thị Thanh Nga (Vợ): 20.000 cổ phần (0,03% Vốn điều lệ)

❖ **ÔNG TRƯỞNG MINH ĐỨC – THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/10/1974
Nơi sinh	Bình Long
Số CMND/ Hộ chiếu	C2185V1Y9
Ngày cấp/ Nơi cấp	03/06/2010 tại Hannover, Đức
Quốc tịch	Đức
Dân tộc	
Địa chỉ thường trú	Podbielskistr. 272, 30655 Hannover, Đức
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
Quá trình công tác:	
Từ 2001 – 2003	Nhà tư vấn Công ty Accenture
Từ 2005 – 2009	Quản lý dữ liệu rủi ro HDI - Gerling Industrie Versicherung AG
Từ 2010 – 2011	Điều phối IT HDI - Gerling Rechtsschutz Versicherung AG
Từ 2011- 2018	Kiểm toán nội bộ của Talanx AG
Từ 2019- nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần PVI, Thành viên HĐQT TCT Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT độc lập
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần PVI
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Công ty cổ phần PVI (ông Trương Minh Đức là Phó Tổng Giám đốc) – Số cổ phần: 53.226.825 cổ phần chiếm 73,11% vốn điều lệ

❖ NGUYỄN ANH VŨ – THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT KIỂM TRƯỞNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/07/1978
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMND/ Hộ chiếu	011862030
Ngày cấp/ Nơi cấp	19/01/2008 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 28 ngõ 56 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ 2008 đến 2009	Phó giám đốc Ban Đầu tư Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2009 đến 09/2009	Phó giám đốc Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
Từ 9/2009 đến 03/2010	Phó giám đốc phụ trách Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2010 đến 07/2011	Giám đốc Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam

Từ 07/2011 đến 06/2014	Giám đốc Ban Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro Công ty cổ phần PVI
Từ 07/2014 đến 08/2014	Giám đốc Ban Kiểm toán và tuân thủ Công ty cổ phần PVI
Từ 08/2014 đến 01/2018	Giám đốc Ban Chiến lược và Tuân thủ Công ty cổ phần PVI
Từ 01/2018 đến 7/2019	Giám đốc Hoạt động Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI
Từ 7/2019 đến nay	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần PVI
Từ 03/2020 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT kiêm trưởng ban Kiểm toán nội bộ Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI; Kiểm soát viên Tổng công ty Bảo hiểm PVI; Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần PVI; Kiểm soát viên Tổng công ty Bảo hiểm PVI; Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không có
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

❖ ALEXANDER -NICOLAI NEUMANN – THÀNH VIÊN HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày sinh	15/04/1983
Nơi sinh	Rinteln, Đức
Số CMND/ Hộ chiếu	C218LG4
Ngày cấp/ Nơi cấp	09/10/2018, Landeshauptstadt Hannover Bürgeramt Podbi-Park
Quốc tịch	Đức
Dân tộc	
Địa chỉ thường trú	K2-34 Khu đô thị Ciputra, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:	
Từ 09/2004 đến 09/2007	Sinh viên thực tập tại chi nhánh Stuttgart của HDI Global SE
Từ 10/2007 đến 06/2010	Ban bảo hiểm tài sản quốc tế của HDI Global SE
Từ 01/2012 đến 03/2012	Thực tập sau khi hoàn thành chương trình thạc sỹ tại HDI Global SE
Từ 03/2012 đến 05/2016	Thành viên nhóm/Phòng quản lý dự án PT doanh nghiệp/Ban mua bán sáp nhập tại HDI Global SE
Từ 2016 đến 04/2019	Quản lý dự án phát triển Doanh nghiệp; Chuyên gia mua bán sáp nhập Doanh nghiệp, tích hợp sau sáp nhập và tái cấu trúc tại HDI Global SE
Từ 04/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần PVI
Từ 03/2020 đến nay	Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần PVI
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Công ty cổ phần PVI (ông Alexander - Nicolai Neumann là Phó Tổng Giám đốc) – Số cổ phần: 53.226.825 cổ phần chiếm 73,11% vốn điều lệ

❖ LÂM NHẬT SON – THÀNH VIÊN HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày sinh	29/11/1984
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMND/ Hộ chiếu	012194371
Ngày cấp/ Nơi cấp	23/08/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P204, B5 Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
Quá trình công tác:	
Từ 10/2008 - 5/2006	Chuyên viên Ban Bảo hiểm Kỹ thuật Công ty Bảo hiểm PVI

Từ 05/2006 - 05/2011	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Tài sản Công ty Bảo hiểm PVI
Từ 06/2011 - 03/2012	Chuyên viên Ban Bảo hiểm Năng lượng Công ty Bảo hiểm PVI
Từ 03/2012 - 03/2013	Phó phòng Ban Tái bảo hiểm Công ty Bảo hiểm PVI
Từ 03/2013 - 06/2014	Trưởng phòng Ban Tái bảo hiểm Công ty Bảo hiểm PVI
Từ 06/2014 - 01/2015	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm Công ty Bảo hiểm PVI
Từ 02/2015 – 9/2019	Phó Trưởng Ban Bảo hiểm Hàng không TCT Bảo hiểm PVI
Từ 06/2016 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần PV2
Từ 10/2016 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị TCT Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT TCT Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần PV2
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

12.2. Ban Điều hành và Kế toán trưởng

a. Danh sách Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thúy	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Kinh doanh 1
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Kinh doanh 2

Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng giám đốc - Giám Đốc Khối Hoạt động
Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

b. Sơ yếu lý lịch

❖ **TRỊNH ANH TUẤN – TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Như trích lục ở trên)

❖ **LÊ THỊ THÚY – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC – GIÁM ĐỐC KHỐI KINH DOANH 1**

Gới tính	Nữ
Ngày sinh	19/05/1973
Nơi sinh	Thanh Hóa
Số CMND/ Hộ chiếu	038173000797
Ngày cấp/ Nơi cấp	27/6/2016 tại Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	SN16 – Ngách 103/6 Cù Chính Lan – Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Thương mại Quốc tế và tài chính
Quá trình công tác:	
Từ 11/1994 - 06/1995	Chuyên viên phòng xuất nhập khẩu Petrolimex
Từ 06/1995 - 12/1998	Chuyên viên phòng Tái bảo hiểm PJICO
Từ 01/1999 - 07/2006	Phó phòng Tái bảo hiểm PJICO
Từ 08/2006 - 07/2011	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm, TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 07/2011 - 01/2014	Phó Tổng giám đốc, TCT CP Tái bảo hiểm PVI
Từ 01/2014 - 08/2015	Giám đốc Khối Quản lý và đầu tư, TCT CP Tái bảo hiểm PVI
Từ 08/2015 đến nay	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Kinh doanh 1 TCT Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Kinh doanh 1
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Số cổ phần cá nhân sở hữu	10.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Lê Huy Giang (Chồng): 10.000 cổ phần (chiếm 0,01 % Vốn điều lệ)

❖ NGUYỄN HỒNG LONG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC- GIÁM ĐỐC KHÔI KINH DOANH 2

Giới tính	Nam
Ngày sinh	29/09/1976
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMND/ Hộ chiếu	011882472
Ngày cấp/ Nơi cấp	17/09/2008 tại CA Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	129 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - HN
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Quá trình công tác:	
Từ 06/2002 - 08/2007	Chuyên viên Ban tái bảo hiểm, TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 08/2007 - 09/2008	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm, TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 10/2008 - 04/2009	Phó Tổng giám đốc, Công ty bảo hiểm PVI TP.HCM
Từ 04/2009 - 05/2009	Phó Giám đốc ban Tái bảo hiểm, PVI phía Nam
Từ 05/2009 - 07/2011	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm, TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN

Từ 07/2011 - 08/2015	Phó Tổng giám đốc, TCT CP Tái bảo hiểm PVI
Từ 08/2015 đến nay	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Kinh doanh 2 - TCT CP Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Tổng Giám Đốc PVIRe - Giám đốc Khối Kinh doanh 2 PVIRe
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	50.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Nguyễn Văn Anh (Vợ): 50.000 cổ phần (chiếm 0,07 % Vốn điều lệ)

❖ PHAN TRỊNH QUỐC KIÊN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC – GIÁM ĐỐC KHỐI HOẠT ĐỘNG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/11/1984
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMND/ Hộ chiếu	012209634
Ngày cấp/ Nơi cấp	21/07/2011 tại Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	44B Hàng Tre, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư dầu khí
Quá trình công tác:	
Từ 01/2008 - 12/2008	Chuyên viên TCT Thăm dò và khai thác dầu khí

Từ 12/2008 - 11/2009	Chuyên viên Ban Bảo hiểm Năng lượng, TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN.
Từ 11/2009 - 06/2010	Chuyên viên Phòng BHNL, Công ty Bảo hiểm Dầu khí phía Nam, TCT CP Bảo hiểm Dầu khí VN
Từ 06/2010 - 05/2011	Giám đốc Chi nhánh phía Nam CTCP Truyền thông bảo hiểm Dầu khí (PVI Media).
Từ 06/2011 - 05/2012	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP PVI.
Từ 06/2012 - 11/2013	Trợ lý Tổng giám đốc, Phó Chánh văn phòng Công ty CP PVI.
Từ 12/2013 - 08/2014	Phó Giám đốc Ban Bảo hiểm Dầu khí, Bảo hiểm PVI.
Từ 09/2014 - 03/2015	Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Chiến lược kế hoạch, Bảo hiểm PVI.
Từ 03/2015 - 07/2016	Trưởng ban Ban Chiến lược kế hoạch, Bảo hiểm PVI
Từ 04/2016 – đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư PV2
Từ 08/2016 – đến nay	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Hoạt động PVIRe
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Tổng giám đốc - Giám Đốc Khối Hoạt Động PVIRe
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư PV2
Số cổ phần cá nhân sở hữu	191.736 cổ phần, chiếm 0.26% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Bà Nguyễn Hà Thu (Vợ) - Số cổ phần: 3.596.407 chiếm 4,94% vốn điều lệ
	Phan Quốc Việt (Bố): 10 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
	Trịnh Thúy Nga (Mẹ): 10 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)

Phan Trịnh Việt Kiên (Em trai): 10 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (ông Phan Trịnh Quốc Kiên là Thành viên HĐQT) – Số cổ phần: 1.078.597 cổ phần chiếm 1,482% vốn điều lệ

12.3. Kế toán trưởng

❖ NGÔ THANH HẢI – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	09/08/1986
Nơi sinh	Hà Tĩnh
Số CMND/ Hộ chiếu	186311080
Ngày cấp/ Nơi cấp	cấp ngày 16/08/2012 tại CA Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Nhà Số 10 Ngõ 8 - Hoàng Ngọc Phách–Đống Đa – Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 06/2008 đến 06/2010	Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Từ 06/2010 đến 06/2014	Kiểm toán viên chính Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Từ 6/2014 đến 02/2015	Chuyên viên Bộ phận Tài chính kế toán PVIRE
Từ 02/2015 đến 12/2016	Chuyên viên Bộ phận Chiến lược Tuân Thủ PVIRE
Từ 01/2017 đến 11/2017	Phó Phòng Chiến lược Tuân Thủ PVIRE
Từ 11/2017 đến 07/08/2018	Trưởng phòng Kế toán PVIRE
Từ 08/08/2018 đến 08/02/2019	Trưởng phòng Kế toán, được giao nhiệm vụ thực hiện chức trách, nhiệm vụ Kế toán trưởng PVIRE
Từ 15/3/2019 đến nay	Kế toán trưởng TCT cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

13. Tài sản

Tình hình tài sản cố định của công ty được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 35. Tình hình tài sản của Công ty

Đơn vị: *Đồng* *

Danh mục	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 31/12/2019		
	Nguyên giá – NG	Giá trị còn lại - GTCL	GTC L/NG (%)	Nguyên giá – NG	Giá trị còn lại - GTCL	GTC L/NG (%)
I. Tài sản cố định hữu hình	7.484.591.385	897.185.865	11,99	8.398.451.385	1.181.386.048	14,07
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-	-	-
Phương tiện vận tải	2.452.320.000	-	-	2.452.320.000	-	-
Máy móc, thiết bị và Thiết bị văn phòng	5.032.271.385	897.185.865	17,83	5.946.131.385	1.181.386.048	19,87
II. Tài sản cố định vô hình	23.375.313.000	5.563.760.365	23,80	23.375.313.000	2.336.580.232	10
Phần mềm máy tính	23.375.313.000	5.563.760.365	23,80	23.375.313.000	2.336.580.232	10

Nguồn: BCTC kiểm toán PVIRe năm 2019

Bảng 36. Tình hình tài sản của công ty tại ngày 30/06/2020

Đơn vị: Đồng

Danh mục	Tại ngày 30/06/2020		
	Nguyên giá – NG (Đồng)	Giá trị còn lại - GTCL (Đồng)	GTCL/NG (%)
I. Tài sản cố định hữu hình	8.398.451.385	889.188.207	10,6
Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	-
Phương tiện vận tải	2.452.320.000	0	-
Máy móc thiết bị và Thiết bị văn phòng	5.946.131.385	889.188.207	16,95
II. Tài sản cố định vô hình	23.375.313.000	1.297.700.839	5,55
Phần mềm máy tính	23.375.313.000	1.297.700.839	5,55

Nguồn: BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRe

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 37. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Năm 2020**		Năm 2021	
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với 2019	Giá trị	% tăng giảm so với 2020
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.489,7	4.667,2	3,95%	4.441,9	-4,83%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	860,3	882,1	2,53%	882,2	0%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	728,0	728,0	0%	728,0	0%
Tổng doanh thu*	Tỷ đồng	1.902,6	1.759,0	-7,55%	1.840,0	4,60%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.732,1	1.598,6	-7,71%	1.679,7	5,07%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	170,5	160,4	-5,92%	160,3	-0,06%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	140,6	128,3	-8,75%	128,2	-0,08%
Tỷ lệ LNST/ Tổng doanh thu	%	7,39	7,29	-	6,97	-

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Năm 2020**		Năm 2021	
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với 2019	Giá trị	% tăng giảm so với 2020
Tỷ lệ LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	16,34	14,55	-	14,53	-
Tỷ lệ chia cổ tức	%	16	16	-	16	-

Nguồn: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Ghi chú:

(*) Tổng doanh thu = Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm + Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác

(**) Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2020. Kế hoạch năm 2021 được Hội đồng Quản trị xây dựng dựa trên tốc độ tăng trưởng ổn định của hoạt động kinh doanh giai đoạn này.

Năm 2020, PVIRE dự định tăng trưởng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh Tái bảo hiểm là 10% so với năm 2019, mức cổ tức trong năm 2019 dự kiến là 16% và tiếp tục duy trì 16% trong năm 2020.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Để đạt được mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu tài chính trong kế hoạch sản xuất và kinh doanh 2020, Công ty đã đề ra các giải pháp thực hiện:

❖ Giải pháp về Kinh doanh:

Về thu xếp Tái bảo hiểm

- Về thu xếp TBH:
 - ✓ Giải pháp về thị trường: đẩy mạnh kinh doanh trong nước và các nước trong khu vực Đông Dương
 - ✓ Giải pháp về sản phẩm: đẩy mạnh nhận TBH các dịch vụ bán lẻ. Thắt chặt hướng dẫn khai thác các nghiệp vụ không hiệu quả

- ✓ Chủ động tìm kiếm và mở rộng nguồn nhượng TBH các HDCĐ nước ngoài, tận dụng các phương án trao đổi nếu có để đẩy mạnh doanh thu nhận TBH nước ngoài một cách an toàn và hiệu quả
- Về đầu tư:
 - ✓ Chủ động, linh hoạt trong các phương án đầu tư nhằm đạt hiệu quả cao nhất
 - ✓ Xây dựng mô hình dự báo dòng tiền sử dụng dữ liệu hệ thống cũng như các thông tin bổ sung của các bộ phận để đưa ra cân đối dòng tiền hợp lý, đảm bảo đủ khả năng thanh toán và gia tăng dòng tiền đưa vào đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn
- ❖ **Giải pháp về Quản trị:**
 - Tập trung kiểm soát tính tuân thủ (quy trình, chỉ đạo của Ban Điều hành) của các bộ phận, đặc biệt là các khối Kinh doanh. Thường xuyên rà soát phát hiện các lỗi hỏng của hệ thống, quy trình để khắc phục.
 - Tiếp tục nâng cao hơn nữa các công tác quản trị.
 - Xây dựng các biện pháp tiết giảm tối đa chi phí.
 - Tiếp tục đôn đốc xử lý nợ công Tái bảo hiểm.
- ❖ **Giải pháp về Nhân sự:**
 - Chuẩn hóa chức danh. Hoàn thiện chi tiết mô tả công việc và yêu cầu tiêu chuẩn về chuyên môn, năng lực
 - Tuyển dụng cán bộ có năng lực, ưu tiên các khối kinh doanh
 - Xây dựng cơ chế lương mới phù hợp
- ❖ **Giải pháp về Công nghệ thông tin:**
 - Đẩy mạnh việc phát triển các giải pháp công nghệ thông tin nhằm nâng cao Tiếp tục phát triển phân hệ điện tử hóa chứng từ cho các nhà tái trong nước và nước ngoài
 - Hoàn thành việc phê duyệt điện tử cho tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm.
 - Triển khai phê duyệt điện tử và thanh toán online đối với việc thanh toán qua ngân hàng
 - Phát triển các hệ thống báo cáo quản trị, báo cáo IFRS, báo cáo phục vụ Targetik phân hệ kế toán và kế hoạch.

Năm 2020 – 2021, công ty đặt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế giảm gần 10% so với năm 2019. Lý do là kế hoạch cổ tức Quỹ PIF mà PVIRE góp vốn đầu tư giảm xuống còn 9,5% thấp hơn nhiều so với năm 2018 (23%) và 2019 (22%) vì dự án chính Embassy Garden đã thực hiện xong.

Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với kế hoạch

Bảng 38. Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với kế hoạch

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020 (%)
Tổng doanh thu	1.010,3	57,44
Tổng chi phí	918	57,43
Lợi nhuận trước thuế	92,3	57,54
Lợi nhuận sau thuế	73,6	57,37

Nguồn: BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

Tổng doanh thu của PVIRE trong 06 tháng đầu năm 2020 đạt 1.010,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 73,6 tỷ đồng, tương đương đạt 57,44% và 57,43% so với kế hoạch kinh doanh cả năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua. Trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid 19, mức doanh thu và lợi nhuận đạt được của PVIRE trong 6 tháng đầu năm là một dấu hiệu khả quan cho đà tăng trưởng ổn định của công ty bất chấp những ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường.

Trong 6 tháng cuối năm, với kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh doanh tại thị trường trong nước và khu vực, PVIRE sẽ đẩy mạnh cung cấp các giá trị gia tăng cho khách hàng, nâng cao năng lực quản lý dịch vụ và hỗ trợ khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Hoạt động đầu tư dự kiến sẽ tiếp tục được cơ cấu một cách thận trọng để đảm bảo tính hiệu quả, tăng thanh khoản, đảm bảo biên khả năng thanh toán trong bối cảnh thị trường tài chính đang có nhiều biến động. Với những tín hiệu khả quan từ tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020, PVIRE kỳ vọng sẽ sớm đạt mục tiêu tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành kế hoạch năm 2020.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, PVIRE là doanh nghiệp có vị thế hoạt động trong ngành bảo hiểm, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào của PVIRE.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có).

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phiếu
3. **Mã chứng khoán:** PRE
4. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 72.800.000 cổ phiếu
5. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán: *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ;*

Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết như sau:

Bảng 39. Danh sách hạn chế chuyển nhượng

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	
					6 tháng kể từ ngày niêm yết	12 tháng kể từ ngày niêm yết
1	Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	86.982	0,12%	86.982	43.491
2	Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc khối Kinh doanh 1	10.000	0,01%	10.000	5.000
3	Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc khối Kinh doanh 2	50.000	0,07%	50.000	25.000

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	
					6 tháng kể từ ngày niêm yết	12 tháng kể từ ngày niêm yết
4	Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc khối Hoạt động	191.736	0,26%	191.736	95.868
5	Nguyễn Phúc Anh	Cổ đông lớn là người có liên quan của người nội bộ	7.192.814	9,88%	7.192.814	3.596.407
6	Công ty cổ phần PVI	Cổ đông lớn là người có liên quan của người nội bộ	53.226.825	73,11%	53.226.825	26.613.413
Tổng cộng			60.758.357	83,46%	60.758.357	30.379.179

Nguồn: TCT cổ phần Tái bảo hiểm PVI

6. Phương pháp tính giá cổ phiếu niêm yết

6.1. Giá trị sổ sách cổ phiếu

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được xác định bởi công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Bảng 40. Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2019	Ngày 30/06/2020
Giá trị sổ sách cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	11.567	11.816	11.946

Nguồn: Số liệu tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC bán niên năm 2020 đã được soát xét của PVIRE

6.2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến trong phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu của công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính bằng bình quân có trọng số của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp xác định giá trị sổ sách (gọi tắt là phương pháp P/B);
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu / lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu P/E (gọi tắt là phương pháp P/E).

Phương pháp P/B: Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách cổ phiếu trên các Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Công thức tính giá cổ phiếu theo phương pháp BV

$$P=BV \times P/BV$$

Trong đó:

P: Là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

P/BV: Là hệ số giá/giá trị sổ sách trung bình của nhóm các công ty cùng ngành đang niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM.

Phương pháp P/E: Phương pháp này dựa trên giá trị lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của Công ty và hệ số giá trên lợi nhuận của mỗi cổ phiếu (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thị trường Upcom.

$$P = EPS \times P/Ebq$$

Trong đó:

P: Là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

EPS: Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của Công ty trên các số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

P/Ebq: Là hệ số giá/lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu trung bình của nhóm các công ty cùng ngành đang niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM).

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp tính giá trên và một số phương pháp tính giá phù hợp khác, mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVIRE hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Căn cứ Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Điều 11 Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam thì khoản thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

- a. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế;

b. Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c. Trường hợp Công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp Điều ước quốc tế có quy định khác.

Căn cứ **Luật Đầu tư số 67/2014/QH13** ngày 26/11/2014, **Luật số 03/2016/QH14** ngày 22/11/2016 sửa đổi bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Kinh doanh tái bảo hiểm, thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành liên quan không quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Điều lệ Công ty cũng không có quy định khác về việc giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài mà Công ty đang áp dụng tối đa là **49%**. Tại thời điểm ngày 08/05/2020, cổ đông nước ngoài sở hữu 20.000 cổ phần, chiếm 0,027% vốn điều lệ của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà thầu
- Các loại thuế khác

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Hiện tại mức thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng với Công ty là 20%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Trụ sở chính : Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
Số điện thoại : (024) 3773 7070
Fax : (024) 3773 9058

2. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Số điện thoại : (024) 7105 0000
Fax: : (024) 6288 5678

VII. PHỤ LỤC**1. Phụ lục I**

Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy phép điều chỉnh của Tổng công ty cổ phần Tài bảo hiểm PVI do Bộ Tài Chính cấp;

2. Phụ lục II

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tài bảo hiểm PVI;

3. Phụ lục III

Giới thiệu các văn bản pháp luật có liên quan;

4. Phụ lục IV

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Hà Nội, ngày 02. tháng 09 năm 2020

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC *mm*

mm



NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN ANH TUẤN

**GIÁM ĐỐC KHỞI
HOẠT ĐỘNG**

KÊ TOÁN TRƯỞNG

mm
PHAN TRỊNH QUỐC KIÊN

mm
NGÔ THANH HẢI

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THỊ HẠNH